

Số: 57/BC-ĐDBQH

Quảng Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2022

## BÁO CÁO

**Kết quả giám sát “Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật  
về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình,  
giai đoạn 2016-2021”**

## MỞ ĐẦU

Thực hiện Nghị quyết số 09/2021/QH15 ngày 25/7/2021 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2022; Nghị quyết số 18/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề: “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) giai đoạn 2016 - 2021” và Kế hoạch số 06/KH-ĐGS ngày 30/9/2021 của Đoàn giám sát của Quốc hội về giám sát chuyên đề nói trên; ngày 18/02/2021, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-TrĐDBQH thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2016 - 2021”. Thành viên Đoàn giám sát bao gồm các ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình công tác tại địa phương, đại diện lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Thanh tra tỉnh và Sở Tài chính (không mời đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh tham gia vì Đoàn có 01 ĐBQH là Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh). Ngay sau khi thành lập, Đoàn giám sát đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-ĐGS ngày 18/02/2022 để tổ chức giám sát chuyên đề nói trên.

Tại Kế hoạch số 18/KH-ĐGS của Đoàn giám sát đã nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng giám sát; nhấn mạnh việc xem xét, đánh giá khách quan, trung thực, toàn diện kết quả ban hành, triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP của các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh; làm rõ kết quả đạt được; các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-ĐGS, từ cuối tháng 02/2022, Đoàn giám sát gửi đề cương báo cáo đến các đối tượng chịu sự giám sát, bao gồm Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước thuộc quản lý của UBND tỉnh và công ty cổ phần nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ yêu cầu khẩn trương xây dựng báo cáo. Từ 09/3/2022 đến 15/4/2022, Đoàn giám sát đã tiến hành giám sát qua xem xét các văn bản báo cáo của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát; tổ chức làm việc, giám

sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp<sup>1</sup> để nắm thêm tình hình; làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Bình và đại diện lãnh đạo một số sở, ngành liên quan<sup>2</sup> để rà soát, thống nhất kết luận các nội dung giám sát.

Từ 16/4/2022 đến 26/4/2022, Đoàn giám sát tổng hợp kết quả giám sát; xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả giám sát; tổ chức họp Đoàn giám sát để thảo luận, xem xét thông qua dự thảo Báo cáo và giúp Đoàn ĐBQH tỉnh hoàn thiện báo cáo gửi Đoàn giám sát của Quốc hội.

## PHẦN I

### VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2021

#### A. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH CHUNG

Tỉnh Quảng Bình có diện tích tự nhiên là 8.065 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 902 nghìn người; có 08 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện), 151 đơn vị hành chính cấp xã (08 thị trấn, 15 phường và 128 xã). Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 khu kinh tế<sup>3</sup> và 08 khu công nghiệp<sup>4</sup>.

Giai đoạn 2016 - 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng hết sức nặng nề của sự cố môi trường biển do Công ty Hưng nghiệp Formosa gây ra; kết hợp các đợt mưa, bão, lũ lớn liên tiếp xảy ra và diễn biến hết sức phức tạp của đại dịch Covid-19 nhưng kinh tế của tỉnh vẫn giữ được sự ổn định và có bước tăng trưởng khá; quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 6,13% (năm 2017 đạt 6,62%, năm 2018 đạt 7,04%, năm 2019 đạt 7,4%, năm 2020 đạt 2,63%, năm 2021 đạt 4,83%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ, công nghiệp và xây dựng; thu ngân sách trên địa bàn tăng dần qua các năm (2017 đạt 3.350 tỷ đồng, 2018 đạt 4.000 tỷ đồng, 2019 đạt 5.180 tỷ đồng, 2020 đạt 5.377 tỷ đồng, 2021 đạt 6.496 tỷ đồng); GRDP bình quân đầu người được cải thiện đáng kể (2017 đạt 34,6 triệu đồng, 2018 đạt 37,5 triệu đồng, 2019 đạt 42,6 triệu đồng, 2020 đạt 46,1 triệu đồng, 2021 đạt 49,3 triệu đồng).

Việc huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội đạt được những kết quả quan trọng, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt trên 93.000 tỷ đồng, tăng 1,55 lần so với kế hoạch và tăng hơn 3 lần so với giai đoạn 2011 - 2015, trong đó, khu vực ngoài nhà nước tăng mạnh, chiếm gần 80% tổng

<sup>1</sup> UBND huyện Quảng Trạch, Quảng Ninh, Ban Quản lý Dự án môi trường và biến đổi khí hậu TP Đồng Hới, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình; Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình, Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình

<sup>2</sup> Công an tỉnh, các Sở : Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông- Vận tải, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá- Thể thao

<sup>3</sup> Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo và Khu kinh tế Hòn La.

<sup>4</sup> KCN Bang, KCN Cam Liên, KCN Tây Bắc Quán Hâu, KCN Tây Bắc Đồng Hới, KCN Bắc Đồng Hới, KCN Cảng biển Hòn La, KCN Hòn La II và KCN Lý Trạch.

vốn; tổng thu ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 22.000 tỷ đồng; công tác thu hút đầu tư đã có bước chuyển biến mạnh mẽ, bước đầu có sự chọn lọc, chú trọng về năng lực, công nghệ và môi trường, đặc biệt đối với các lĩnh vực tinh có thể mạnh như du lịch - dịch vụ, công nghiệp, năng lượng tái tạo,... Tỉnh cũng đã kêu gọi được một số tập đoàn lớn, có thương hiệu đến với Quảng Bình, góp phần tăng cường nguồn lực đầu tư toàn xã hội; nhiều dự án lớn được khởi công, hoàn thành đưa vào sử dụng tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần tăng thu nhập cho nhân dân, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

## **B. VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

### **I. ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VỀ THTK, CLP**

Trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế sâu rộng, Đảng ta ngày càng quan tâm đến công tác THTK, CLP. Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII luôn nhấn mạnh một trong số những nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội là công tác THTK, CLP. Để cụ thể hóa các chủ trương được đề ra tại các văn kiện Đại hội Đảng, giai đoạn 2016-2021, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị liên quan hoặc trực tiếp chỉ đạo công tác THTK, CLP<sup>5</sup>

Những văn kiện này đã đề ra những chủ trương, giải pháp phù hợp với bối cảnh tình hình thực tế, kịp thời tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác THTK, CLP; tăng cường các biện pháp thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án kinh tế, ngăn chặn hành vi tham nhũng; bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống lãng phí; làm cơ sở, nền tảng để hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về THTK, CLP, tạo hành lang pháp lý vững chắc để thực hiện có hiệu quả chủ trương THTK, CLP.

### **II. THỰC TRẠNG BAN HÀNH CÁC VBQPPL VỀ THTK, CLP VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC THTK, CLP**

#### **1. Thực trạng ban hành các VBQPPL của Quốc hội, UBTWQH, các văn bản pháp luật của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan về THTK, CLP**

<sup>5</sup> (1) Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; (2) Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; (3) Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; (4) Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; (5) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (6) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; (7) Kết luận số 34-KL/TW ngày 7/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (8) Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; (9) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;...

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, để cụ thể hoá quan điểm của Đảng về THTK, CLP được đề ra từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chủ động, kịp thời ban hành nhiều VBQPPL để từng bước hoàn thiện các quy định chính sách, pháp luật về THTK, CLP. Năm 2013, cùng với việc sửa đổi Hiến pháp, Quốc hội cũng đã tiến hành sửa đổi Luật THTK, CLP năm 2005 để ban hành Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.

Căn cứ quy định của Hiến pháp 2013: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước”, Luật THTK, CLP năm 2013 đã đưa ra những quy định pháp luật khá đầy đủ, chặt chẽ và đồng bộ với các VBQPPL khác liên quan đến THTK, CLP. Tiếp đó, với việc ban hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đã củng cố vững chắc thêm những quy định pháp luật về THTK, CLP. Giai đoạn 2016 - 2021, Quốc hội ban hành khá nhiều luật liên quan đến nhiều lĩnh vực, đa số các luật đều có đề cập đến nội dung về THTK, CLP, nhất là các luật điều chỉnh hành vi trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý cán bộ, công chức, viên chức. UBTVQH cũng ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến công tác THTK, CLP<sup>6</sup>

Để triển khai áp dụng Luật THTK, CLP năm 2013, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 hướng dẫn một số điều Nghị định số 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn pháp luật về THTK, CLP. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành ở Trung ương cũng đã ban hành theo thẩm quyền nhiều VBQPPL liên quan đến THTK, CLP, qua đó tạo cơ sở pháp lý vững chắc để sử dụng tiết kiệm NSNN, tài sản công, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác của đất nước...<sup>7</sup>

## **2. Thực trạng ban hành các văn bản pháp luật triển khai thực hiện công tác THTK, CLP của chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình**

Trong giai đoạn 2016 - 2021, UBND tỉnh Quảng Bình đã trình HĐND tỉnh Khóa XVII, Khóa XVIII xem xét ban hành 22 nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách, tập trung chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, ngân sách, đầu

<sup>6</sup> Các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025; Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025; dự toán NSNN và dự toán NSTW hằng năm trong giai đoạn 2016-2021,...

<sup>7</sup> Giai đoạn 2016-2021 liên quan trực tiếp được việc hoàn thiện VBQPPL về THTK, CLP, Chính phủ đã ban hành: Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên...

tu, biên chế, tài nguyên, khoáng sản, phúc lợi xã hội... UBND tỉnh cũng ban hành các Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế theo quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả (*chi tiết tại Phụ lục A-VBQPPL*).

Các VBQPPL được ban hành nói trên là căn cứ pháp lý để điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động liên quan đến công tác THTK, CLP trên địa bàn tỉnh. Các quy định tại văn bản do HĐND tỉnh ban hành đảm bảo tính chặt chẽ, đồng bộ, phù hợp quy định pháp luật hiện hành, phục vụ kịp thời yêu cầu của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Trong quá trình thực hiện, một số văn bản không còn phù hợp đã được UBND tỉnh rà soát trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, công bố hết hiệu lực thi hành, đảm bảo theo quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương.

Hàng năm, trên cơ sở chương trình THTK, CLP của Chính phủ, UBND tỉnh đã kịp thời xây dựng, ban hành chương trình THTK, CLP trên địa bàn tỉnh. Căn cứ chương trình THTK, CLP do UBND tỉnh ban hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương và DNNN đã cụ thể hóa bằng việc ban hành chương trình, kế hoạch THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan, đơn vị. Ban hành và thường xuyên rà soát để sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu để THTK, CLP.

*\*Nhận xét chung:* Qua giám sát cho thấy, nhìn chung, các văn bản do HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình và các cơ quan chức năng ở địa phương ban hành liên quan đến công tác THTK, CLP đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, đảm bảo tính kịp thời và phù hợp với các quy định chính sách, pháp luật hiện hành. Qua đó thể hiện công tác THTK, CLP đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quán triệt nghiêm túc các nghị quyết giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, các văn bản quy định định mức; việc thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước trên cơ sở chương trình hành động THTK, CLP của tỉnh. Nhìn chung, các nội dung chính sách, pháp luật THTK, CLP của Tỉnh về cơ bản phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, như: Về mặt thời gian ban hành vẫn còn một số văn bản chưa thực sự kịp thời. Nguyên nhân chủ yếu là do chương trình tổng thể về THTK, CLP của Chính phủ thường được ban hành vào đầu năm nên các tỉnh thường sẽ ban hành sau đó; có khi đến cuối quý I hoặc vào quý II hàng năm. Điều này phần nào có những khó khăn nhất định đối với định hướng công tác triển khai, cụ thể hoá và lồng ghép hoạt động THTK, CLP vào kế hoạch hoạt động của các cơ quan, địa phương, đơn vị trong việc quản lý sử dụng nguồn lực, tài sản, ngân sách...

Bên cạnh đó, việc ban hành các văn bản của một số ngành còn mang tính hình thức, chưa cụ thể hoá, gắn với các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường, cơ chế tự chủ riêng của từng ngành, lĩnh vực vì thế đã xảy ra tình trạng văn bản ban hành chưa cụ thể, còn chung chung và một số ít còn mang tính hình thức. Việc thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên chưa tạo được chuyển biến và đạt hiệu quả về lâu dài. Nhiều địa phương và ngành trong tỉnh vẫn chưa ban hành, cụ thể hoá được văn bản quy định đơn giá, danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng NSNN; một số ngành, nội dung chỉ tiêu chưa thực sự có được sự đồng bộ, thống nhất trong các văn bản quy định về chính sách, pháp luật từ trung ương, đặc biệt là một số văn bản quy định các định mức cụ thể do kinh phí địa phương eo hẹp nên trong quá trình triển khai hoạt động gặp nhiều bất cập, chưa đồng bộ các mức chi với trung ương.

Những hạn chế trên một phần do việc cụ thể hoá, lượng hoá các tiêu chí THPTK, CLP vào các VBQPPL là công tác phức tạp, khó khăn do lĩnh vực THPTK, CLP quá rộng, đòi hỏi hệ thống pháp luật đồng bộ, nhiều nội dung cụ thể, chuyên ngành, trong quá trình triển khai cũng nảy sinh nhiều nội dung cần thường xuyên được điều chỉnh, sửa đổi nhưng thực tiễn công tác xây dựng VBQPPL chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đó.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THPTK, CLP**

Giai đoạn 2016-2021, tỉnh Quảng Bình phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn: sự cố môi trường biển, biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, bão, lụt, hạn hán, thiên tai (mà cao điểm là trận lũ lịch sử tháng 10/2020), dịch bệnh Covid-19, dịch tả lợn châu Phi liên tiếp xảy ra, đã ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều ngành, lĩnh vực, gây thiệt hại lớn về người, tài sản, đời sống của Nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, toàn hệ thống chính trị đã quán triệt việc tập trung lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh; công tác THPTK, CLP luôn được quan tâm. Tuy vậy, những thách thức trên đây ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chính sách pháp luật về THPTK, CLP.

#### **I. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN)**

##### **1. Lập, thẩm định, chấp hành dự toán, quyết toán NSNN hằng năm;**

###### *1.1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và giao dự toán NSNN hằng năm*

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh nhận thấy, việc lập, thẩm định, chấp hành dự toán, quyết toán NSNN hàng năm được tiến hành đúng quy trình, chặt chẽ, có sự phối kết hợp giữa các cơ quan, giữa các nhiệm vụ trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan về chính sách, chế độ, định mức chi NSNN. Việc giao kế hoạch vốn hàng năm thực hiện đúng thời gian quy định của pháp luật và đúng kế hoạch vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Quảng Bình năm 2017 và

thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ngay sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách hàng năm, UBND thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, địa phương đảm bảo thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 50 của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### *1.2. Tình hình thực hiện dự toán NSNN, kế hoạch đầu tư công hàng năm*

Trên cơ sở dự toán được giao, các văn bản chỉ đạo thực hiện dự toán hàng năm của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện đúng quy định.

a) Thu ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016 – 2021 đạt: 30.362 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa đạt: 28.771 tỷ đồng, thu từ đất đai, nhà ở 13.077 tỷ đồng chiếm tỉ trọng 43,07% tổng thu ngân sách nhà nước; thu xuất nhập khẩu đạt: 1.591 tỷ đồng. Cơ cấu thu ngân sách chưa đồng đều giữa các khoản thu, khoản thu từ đất chiếm tỷ trọng lớn; những khoản thu có tính chất bền vững như thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương chưa đạt tiến độ dự toán.

*(Chi tiết phụ lục B.06 tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2021)*

#### b) Chi thường xuyên ngân sách địa phương

- Ngay từ khi giao dự toán, UBND tỉnh đã thực hiện tiết kiệm 10% kinh phí tự chủ; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán, triệt để các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đảm bảo nguồn để chi cho các chế độ tăng thêm do Chính phủ quy định. Theo đó, trong giai đoạn 2016 – 2021 đã tiến hành tiết kiệm theo chủ trương của Chính phủ và Bộ Tài chính, số tiền: 603.084 triệu đồng, trong đó: tiết kiệm 10% theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 5/2021 là 445.764 triệu đồng; giảm do tinh giảm biên chế là 17.263 triệu đồng; giảm chi theo ĐA 981/ĐA-UBND là 116.477 triệu đồng, cắt giảm cuối năm (10% chi thường xuyên, 70% Hội nghị phát sinh) là 23.580 triệu đồng...

Ngay khi dịch COVID-19 bùng phát đầu năm 2020, tỉnh Quảng Bình đã chủ động mọi phương án, nguồn lực để tập trung phòng, chống dịch, đảm bảo địa bàn an toàn. Tổng kinh phí tiết kiệm, cơ cấu để bổ sung nguồn lực phòng chống dịch COVID-19 giai đoạn 2020-2021 là 161,200 tỷ đồng.

*(Chi tiết phụ lục B.07 tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2021).*

#### c) Kế hoạch đầu tư công

- Tỉnh đã chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị có giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản, xem đây là một giải pháp sử dụng vốn hiệu quả, tiết kiệm. Kết quả giải ngân vốn đầu tư giai đoạn 2016-2021 bình quân đạt 84,65%.

- Tỉnh Quảng Bình đã tiết kiệm, cơ cấu lại chi thường xuyên trên cơ sở đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và cho con người, cải cách tiền lương, để dành nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Trong giai đoạn 2016-2021, tỷ trọng chi đầu tư phát triển của tỉnh Quảng Bình trên tổng chi NSDP đạt 28% tổng chi ngân sách cao hơn so với trung bình cả nước (24-25%). Tổng kinh phí thường xuyên bổ sung cho chi đầu tư phát triển giai đoạn 2016 – 2021 là 15.040 tỷ đồng. Tỉnh thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn của dự án có tiến độ giải ngân thấp, không có khả năng giải ngân,... để ưu tiên bổ sung vốn cho các dự án động lực, trọng điểm, có nhu cầu và khả năng hấp thụ vốn lớn.

- Các cơ quan chuyên môn đã thẩm định chủ trương đầu tư cho 2.332 dự án, trong đó có 1.914 dự án có quyết định chủ trương đầu tư; thẩm định, trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh 308 dự án<sup>8</sup>. Trong công tác đấu thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu 16.180 gói thầu, tổng giá trị 17.655 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 17.099 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 556 tỷ đồng đạt 3,15%<sup>9</sup>.

- Công tác thu hồi vốn ứng đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Tính 31/01/2021, số vốn ứng còn lại chưa thu hồi là 142,5 tỷ đồng (trong đó, Ngân sách trung ương ứng cho Tỉnh là 95,5 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 47 tỷ đồng).

*(Chi tiết phụ lục B.03 Tổng hợp tình hình thực hiện dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2021)*

### 1.3. Quyết toán Ngân sách nhà nước

Hàng năm theo các quy định hiện hành, các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra, quyết toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách, các huyện, thị xã, thành phố, như: Kiểm tra, giám sát việc chi tiêu, sử dụng ngân sách và thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách; Các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành quyết toán ngân sách và được Sở Tài chính thực hiện thẩm định theo đúng quy trình, thời gian, đồng thời Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt quyết toán ngân sách hàng năm và gửi Bộ Tài chính và thực hiện công khai dự toán, quyết toán theo quy định.

Giai đoạn 2016-2021, qua quyết toán tại các đơn vị đã kiến nghị thu hồi, hoàn trả NSNN hoặc giảm trừ dự toán năm sau các khoản do chi sai, vượt chế độ định mức số tiền: 1.695,9 triệu đồng, nộp vào NSNN các khoản thuế, phí số tiền

<sup>8</sup> Theo số liệu từ báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm.

<sup>9</sup> + Năm 2016 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với 1.184 gói thầu, tổng giá trị 1.980 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 1.964 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 15 tỷ đồng đạt 0,8%.

+ Năm 2017 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với 2.193 gói thầu, tổng giá trị 1.426 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 1.411 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 15 tỷ đồng đạt 1,6%.

+ Năm 2018 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với 3.239 gói thầu, tổng giá trị 2.590 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 2.555 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 35 tỷ đồng đạt 1,35%.

+ Năm 2019 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với 3.678 gói thầu, tổng giá trị 3.422 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 3.215 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 207 tỷ đồng đạt 6,05%.

+ Năm 2020 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với 2.920 gói thầu, tổng giá trị 3.534 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 3.349 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 186 tỷ đồng đạt 5,26%.

+ Năm 2021 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với 2.966 gói thầu, tổng giá trị 4.703 tỷ đồng, tổng giá trúng thầu 4.605 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm 97 tỷ đồng đạt 2,07%.

*(Số liệu căn cứ báo cáo đấu thầu hằng năm)*

155,9 triệu đồng (trong đó năm 2016: 652 triệu đồng, năm 2017: 210 triệu đồng, năm 2018: 150 triệu đồng, năm 2019: 111 triệu đồng, năm 2020: 191,9 triệu đồng và năm 2021: 381 triệu đồng).

## **2. Lập, thẩm định kế hoạch tài chính trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025**

Tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tài chính thời kỳ ổn định ngân sách 3 năm và kế hoạch tài chính trung hạn 5 năm đảm bảo, làm cơ sở cho việc cân đối nguồn lực để thực hiện dự toán hàng năm và ban hành các chế độ, chính sách về thu, chi theo thẩm quyền. Nhờ đó đã giải quyết được những hạn chế, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ tài chính, ngân sách, nợ công, tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, cân đối vốn đầu tư ngay từ khâu lập chủ trương đầu tư; làm cơ sở để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

Hầu hết các dự án được thực hiện đầu tư phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp huyện và quy hoạch ngành đã được phê duyệt; tuân thủ các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo điều kiện ghi kế hoạch vốn để khởi công dự án. Quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt đảm bảo theo các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Tiếp tục cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; thu xuất nhập khẩu 2.048 tỷ đồng, tỷ trọng là 6,5% trong tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Thu nội địa đạt 29.135 tỷ đồng, tỷ trọng bình quân cả giai đoạn là 93,5%; số thu nội địa từ thuế, phí tăng bình quân 10%/năm; thu ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong tổng thu ngân sách địa phương và cao hơn thời kỳ trước.

- Dự toán chi ngân sách địa phương đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách, trong đó:

(1) Chi đầu tư phát triển có tỷ trọng 42% tổng chi ngân sách địa phương, so với mức bình quân chung của cả nước (29%), trong đó vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò là 54%, ngân sách cấp huyện là 46% trong tổng dự toán vốn đầu tư ngân sách địa phương; bố trí dự toán vốn đầu tư hằng năm tăng tỷ trọng 10%/năm (tương đương với tốc độ tăng thu hàng năm); nâng cao chất lượng giải ngân vốn đầu tư, tỷ lệ giải ngân hằng năm đạt 80% kế hoạch vốn được phân bổ, hạn chế việc chuyển nguồn số dư tạm ứng, dư dự toán cuối năm;

(2) Chi thường xuyên trong phạm vi dự toán được TW giao, trong khâu điều hành phấn đấu tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung dự toán chi đầu tư; bố trí dự phòng ngân sách hằng năm tối đa bằng 2% theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để kịp thời xử lý tình hình dịch bệnh, thiên tai phát sinh;

*(Chi tiết phụ lục B.07 tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2021)*

(3) Đẩy nhanh tiến độ việc triển khai các dự án vay vốn ODA đầu tư các dự án hạ tầng của địa phương.

### **3. Lập, thẩm định, phê duyệt, giao, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025**

#### **3.1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao, thực hiện kế hoạch**

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và 2021 – 2025 của tỉnh Quảng Bình phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh, quy hoạch ngành, lĩnh vực và các mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 và 2021 - 2025 của tỉnh đã được phê duyệt: phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016 - 2020, 2021 - 2025, các thời kỳ ổn định ngân sách của tỉnh và khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách TW, ngân sách tỉnh; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

Tỉnh đã tập trung bố trí vốn đầu tư công để trả nợ, thực hiện hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành; hoàn trả các khoản vốn NSNN ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay ngân sách địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện có một số dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2011 - 2015 không cân đối được nguồn vốn buộc phải giãn, hoãn tiến độ hoặc dừng lại ở các điểm dừng kỹ thuật hợp lý nên không đạt được mục tiêu, hiệu quả của dự án như đã phê duyệt.

Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư công thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 11.200,561 tỷ đồng; đạt 79,7% so với kế hoạch đề ra.

Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 là 17.119.597 triệu đồng trong đó vốn ngân sách địa phương là 9.498.700 (triệu đồng); vốn ngân sách trung ương là 7.620.897 triệu đồng; tổng vốn trong nước là 15.580.697 triệu đồng, tổng vốn vay nước ngoài là 1.538.900 triệu đồng.

#### **3.2. Lập, thẩm định, triển khai thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công**

- Tổng hợp kết quả tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2021:

##### **\* Vốn ngân sách Trung ương**

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn NSTW đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao cho tỉnh Quảng Bình là: 7.985,225 tỷ đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 5.947,308 tỷ đồng, trong đó:
  - + Vốn các chương trình MTQG là 1.272,481 tỷ đồng.
  - + Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu là 3.320,424 tỷ đồng.
  - + Vốn hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ là 277,97 tỷ đồng.

- + Vốn trái phiếu Chính phủ là 1.076,433 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA): 2.037,917 tỷ đồng.
- \* Kế hoạch đầu tư công trung hạn giao đến hết năm 2020
- Vốn trong nước

Giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn NSTW trong nước đã giao kế hoạch hằng năm đến hết năm 2020 là 5.300,436 tỷ đồng (bằng 89,1% kế hoạch trung hạn đã thông báo), cụ thể như sau:

+ Đối với các chương trình MTQG: Tổng nguồn vốn NSTW đã giao giai đoạn 2016-2020 là 1.272,481 tỷ đồng tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch trung hạn đã thông báo.

+ Đối với các chương trình mục tiêu: Giai đoạn 2016 - 2020, tổng kế hoạch vốn đã giao chi tiết là 2.763,552 tỷ đồng, bằng 83,2% kế hoạch vốn trung hạn đã thông báo.

+ Đối với nguồn vốn hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Giai đoạn 2016 - 2020, tổng kế hoạch vốn đã giao chi tiết là 277,97 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch vốn trung hạn đã thông báo.

+ Đối với vốn trái phiếu Chính phủ: Giai đoạn 2016-2020 đã giao kế hoạch chi tiết là 986,433 tỷ đồng, bằng 91,9% kế hoạch vốn trung hạn 05 năm đã thông báo; trong đó: Dự án thuộc lĩnh vực giao thông là 810 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch; Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học 176,433 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

- Vốn nước ngoài (ODA): Giai đoạn 2016-2020, tổng kế hoạch vốn đã giao chi tiết cho các dự án ODA là: 1.973,251 tỷ đồng, bằng 96,8% kế hoạch vốn trung hạn đã thông báo.

#### **\* *Vốn ngân sách địa phương***

Tổng số vốn trong cân đối được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn do tỉnh phân bổ (chưa bao gồm nguồn bội chi ngân sách địa phương) là 3.250,578 tỷ đồng, phân loại chi tiết theo nguồn vốn:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức là 1.311,594 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 1.494,484 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 199 tỷ đồng.
- Các nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách là 180,5 tỷ đồng.
- Các nguồn bổ sung là 65 tỷ đồng.
- Nguồn bội chi ngân sách địa phương là 128,2 tỷ đồng.

#### **\* *Thanh toán nợ xây dựng cơ bản***

Tổng nguồn vốn NSTW đã bố trí kế hoạch hằng năm để trả nợ giai đoạn 2016-2020 thuộc các chương trình mục tiêu là 40,037 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch trung hạn.

Tổng nguồn vốn NSDP đã bố trí kế hoạch hằng năm để trả nợ giai đoạn 2016-2020 là 194,954 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch trung hạn.

**\* Hoàn ứng trước NSTW**

Tổng nguồn vốn đã bố trí hoàn ứng NSTW giai đoạn 2016-2020 là 139,52 tỷ đồng, bằng 73,87% kế hoạch trung hạn đã thông báo, trong đó: hoàn ứng trước các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu là 126,57 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch; hoàn ứng trước các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia là 12,95 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 là 17.119.597 triệu đồng trong đó vốn ngân sách địa phương là 9.498.700 (triệu đồng); vốn ngân sách trung ương là 7.620.897 triệu đồng; tổng vốn trong nước là 15.580.697 triệu đồng, tổng vốn vay nước ngoài là 1.538.900 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài hằng năm: Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, nguồn vốn ODA được giao 2.313,580 tỷ đồng, gồm vốn Trung ương cấp phát là 2.037,917 tỷ đồng; vốn vay lại là 275,663 tỷ đồng để thực hiện 35 dự án)

**3.3. Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công**

**\* Về dự án quan trọng quốc gia**

Trong giai đoạn 2016-2021, không có dự án quan trọng quốc gia triển khai trên địa bàn tỉnh.

**\* Về dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công**

Giai đoạn 2016 - 2021, tỉnh Quảng Bình có 01 dự án nhóm A – Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình<sup>10</sup> được cân đối bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, với vốn cân đối là **3.500 tỷ đồng** (thời gian thực hiện dự án từ năm 2021-2026 gồm 02 dự án thành phần giao cho Sở Giao thông Vận tải và Sở Kế hoạch – Đầu tư làm chủ đầu tư).

**\* Về dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công**

Tính đến quý I/2021, Tổng số công trình quyết toán là 1.161 công trình với tổng số giá trị đề nghị là: 10.972,2 tỷ đồng; giá trị thẩm định là: 10.956,6 tỷ đồng; tiết kiệm ngân sách 15,6 tỷ đồng.

(Chi tiết phụ lục B.03a tình hình thực hiện các dự án đầu tư công có quy mô từ nhóm A trở lên giai đoạn 2016-2021)

Việc thẩm tra quyết toán đảm bảo theo các định mức chế độ quy định. Chất lượng quyết toán được nâng cao và thu hồi, tiết kiệm cho ngân sách tỉnh số kinh

<sup>10</sup> Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020

phí tương đối lớn. Qua đó, chấn chỉnh các sai phạm, yêu cầu chủ đầu tư công trình, dự án thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và quyết toán dự án hoàn thành.

Công tác giải ngân vốn đầu tư công còn chậm và đạt tỷ lệ thấp; tỷ lệ vốn chuyển nguồn và kéo dài thời gian giải ngân từ năm trước sang năm sau chiếm tỷ lệ khá cao là do nhiều nguyên nhân, trong đó do việc lập, trình phê duyệt, điều chỉnh đối với một số dự án bị kéo dài, một số dự án còn vướng mắc giải phóng mặt bằng; trách nhiệm của một số chủ đầu tư chưa cao, chưa thực sự quyết liệt trong triển khai thực hiện dự án; Đối với các dự án 02 bước, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn phải tổ chức đấu thầu bước 02 mất rất nhiều thời gian, một số chủ đầu tư thiếu quyết liệt nên tiến độ chậm.

Riêng trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và thời tiết mưa lũ kéo dài liên tục gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trong việc huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện, dẫn đến tiến độ thi công các công trình xây dựng bị gián đoạn, kéo dài so với quy định. Một số thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài việc vận chuyển hàng hóa, vật tư trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 gặp nhiều khó khăn... Giá vật liệu, thiết bị tăng đột biến trong 6 tháng đầu năm 2021 (tăng khoảng 20% đến 40%).

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA, việc thực hiện hồ sơ thủ tục, bổ sung kế hoạch trung hạn vốn nước ngoài theo quy định tại Hiệp định tín dụng và sổ tay hướng dẫn của từng dự án rất phức tạp, kéo dài, do đó, mất rất nhiều thời gian cho công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, vì vậy khi được bổ sung nguồn vốn, các dự án không đủ thời gian làm thủ tục giải ngân.

#### **4. Việc THPT, CLP trong quản lý, sử dụng vốn NSNN các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và một số nhiệm vụ, lĩnh vực cụ thể**

##### **4.1. Quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu**

Giai đoạn 2016 - 2021, tỉnh Quảng Bình thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) gồm: Giảm nghèo bền vững; Xây dựng nông thôn mới. Tổng kinh phí trong giai đoạn 2016 - 2021 như sau:

Dự toán NSNN Thủ tướng Chính phủ giao là Tổng nguồn vốn NSTW đã giao giai đoạn 2016-2020 là 1.272,481 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch trung hạn đã thông báo. Hoàn ứng trước các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia là 12,95 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

Chương trình NTM: Số xã đạt 19 tiêu chí: 86 xã, chiếm 67,2%, trong đó 81 xã đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn, 4 xã đang hoàn thiện hồ sơ xét công nhận, 01 xã tiếp tục lấy ý kiến cộng đồng người dân (Chi tiết tại Phụ lục B.08).

Xã phần đầu đạt chuẩn NTM nâng cao: Toàn tỉnh có 15 xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Xã phần đầu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: Toàn tỉnh có 03 xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, năm 2021 chưa có xã nào

đạt chuẩn. Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu NTM: Sau khi có chỉ đạo của BCD Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu và vườn mẫu NTM. Đến nay, toàn tỉnh có 43 vườn mẫu và 26 khu dân cư kiểu mẫu được UBND huyện công nhận.

Đề án “Hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo XDNTM và GNBV giai đoạn 2018-2020” đã được quan tâm triển khai, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân để vươn lên thoát nghèo, tạo tiền đề để các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM trong những năm tới. Các loại hình tổ chức sản xuất được đổi mới phù hợp, hiệu quả hơn; kinh tế hộ tiếp tục được hỗ trợ và tổ chức theo hướng quy mô lớn hơn, dần thích nghi với cơ chế thị trường. Hoạt động của các HTX ngày càng hiệu quả với doanh thu và thu nhập của các thành viên HTX ngày càng cao. Các mô hình về phát triển du lịch cộng đồng đã và đang từng bước phát triển mạnh tại các địa phương, góp phần hỗ trợ người dân nâng cao thu nhập. Phong trào khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu ở nhiều địa phương đã thúc đẩy NTM đi vào thực chất. Chương trình OCOP cũng đã bước đầu đạt được những kết quả nhất định (toàn tỉnh có 24 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh).

*Ưu điểm:* Nhìn chung, các cơ chế chính sách của trung ương và địa phương được ban hành tương đối đồng bộ, đầy đủ, sát đúng với tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện ở cơ sở; các cơ quan, đơn vị, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã cụ thể hóa bằng các kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình ở cấp địa phương cho phép việc thực hiện Chương trình phù hợp với tình hình thực tế của mỗi vùng miền khác nhau. Các văn bản ban hành đúng trình tự, thể thức, thẩm quyền.

*Hạn chế:* Việc ban hành một số văn bản quy định, hướng dẫn của các bộ, ngành còn chậm so với quá trình thực hiện kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 đã làm ảnh hưởng để tiến độ phân bổ và giải ngân nguồn vốn, ban đầu địa phương còn lúng túng trong cách xác định nợ đọng XDNCB trong xây dựng NTM. Hiện nay các văn bản quy định về cập nhật, bổ sung cơ chế chính sách, quản lý điều hành thực hiện các Chương trình MTQG ở trung ương và địa phương khá nhiều, dẫn đến tình trạng các xã vùng sâu, vùng xa chưa cập nhật, nghiên cứu và áp dụng kịp thời.

#### *4.2. Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế*

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh được tăng cường, hiệu lực quản lý ngày một tốt hơn; việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong hoạt động triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được tiến hành chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, chế

độ quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Giai đoạn 2016 - 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt 90 nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí **56.341 triệu đồng. (trong tổng số 127.546 triệu đồng phân bổ cho Sở KH&CN và các đơn vị trực thuộc)**. Các nhiệm vụ thực hiện đã bám sát định hướng phát triển của ngành khoa học và công nghệ, được ứng dụng nhân rộng trong sản xuất và đời sống ngày càng tăng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2021 là 2.273.789 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí chi quản lý là 52.107 triệu đồng, Chi sự nghiệp giáo dục là 2.217.957 triệu đồng, chi đào tạo 3.725 triệu đồng; Chi thường xuyên giai đoạn thực hiện năm đầu thời kỳ ổn định theo tỷ lệ quy định (18:82, trong đó: 18% chi cho hoạt động, 82% chi cho con người). Đa số các đơn vị đều xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công để thực hiện tiết kiệm trong hoạt động thường xuyên nhằm tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao năng suất lao động. Kết quả hàng năm có 21 đơn vị có chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên. Thực hiện đúng Luật Đấu thầu khi triển khai các công trình xây dựng cơ bản, chào hàng cạnh tranh, xét chọn giá trong mua sắm tài sản công đúng quy định, tiết kiệm, không để xảy ra tình trạng tiêu cực, lãng phí.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện dự án, đề án thuộc Chương trình mục tiêu về Y tế - Dân số:

Tổng kinh phí được bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - dân số giai đoạn 2016-2020 là: 55.571 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn trung ương là: 42.793 triệu đồng, Nguồn vốn địa phương là: 12.778 triệu đồng. Tổng kinh phí quyết toán là 49.677 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn trung ương là: 36.919 triệu đồng, nguồn vốn địa phương là: 12.758 triệu đồng; tỷ lệ giải ngân đạt 89,4%

Tổng kinh phí được giao và quyết toán kinh phí sự nghiệp y tế giai đoạn 2016-2020 là 1.328.014 triệu đồng, số kinh phí đã sử dụng và quyết toán là: 1.316.106 triệu đồng, số kinh phí được chuyển dự toán sang năm 2021 sử dụng là 7.098 triệu đồng.

**\* Nhận xét chung:**

Nhìn chung, công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm theo đúng nội dung hoạt động, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi quy định. Thông qua việc tham gia quản lý hoạt động các dự án, đề án, chương trình mục tiêu về Y tế - Dân số đã góp phần tích cực và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh và của ngành y tế tạo điều kiện cho người dân vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận được các dịch vụ y tế kỹ thuật mới, tiên tiến một cách tiết kiệm, hiệu quả.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế: Một số công trình đầu tư y tế, giáo dục vẫn xảy ra tình trạng lãng phí, chưa phát huy hết công năng sử dụng như các điểm trường lẻ, các trạm y tế xã sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết của UBTVQH. Một số công trình nghiên cứu khoa học còn mang tính hình thức, trong quá trình triển khai vẫn còn có những công trình tiến hành các hoạt động điều tra, khảo sát chưa thực sự sát với mục đích nghiên cứu dẫn đến tình trạng giải pháp đề xuất của đề tài chưa mang tính ứng dụng cao.

#### **4.3. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, tổ chức**

Việc thực hiện chế độ tự chủ tài chính tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp huyện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các Chương trình hành động hằng năm của Tỉnh ủy được triển khai một cách tích cực.

Ngày 20/6/2018, UBND tỉnh ban hành Đề án số 981/ĐA-UBND về sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2020.

Có thể thấy, việc xây dựng và triển khai Đề án 981/ĐA-UBND là hết sức cần thiết, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập; tạo quyền chủ động và nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ và tăng cường sự giám sát của cán bộ công nhân viên trong sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời góp phần giảm áp lực tài chính cho NSNN<sup>11</sup>.

### **5. Huy động, quản lý các khoản vay, trả nợ công, bù đắp bội chi NSTW**

Nợ chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018-2021: Dư nợ đầu kỳ năm 2018 là 263.639 tỷ đồng, dư nợ đến hết năm 2021 dư nợ là 538,521 tỷ đồng, mức dư nợ vay được đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 6, Điều 7 của Luật Ngân sách năm 2015 là số dư nợ vay ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. Các khoản trả gốc và trả lãi định kỳ được bố trí trong dự toán đầu năm trả đúng thời hạn đã ký kết theo hợp đồng vay. Số vay để bù đắp bội chi được thanh toán cho chi đầu tư phát triển, trong đó vay các tổ chức tài chính, tín dụng là 0 tỷ đồng, dư nợ cuối kỳ còn 0 tỷ đồng, vay từ nguồn vay nước ngoài là 538,521 tỷ đồng, dư nợ cuối kỳ còn 538,521 tỷ đồng (Chi tiết tại Phụ lục-biểu số 07).

## **II. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước khác<sup>12</sup>,**

### **1. Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện, quyết toán các chương trình, dự án trọng điểm các**

<sup>11</sup> Số kinh phí tiết kiệm được qua các năm từ khi thực hiện Đề án tự chủ tài chính: Năm 2018: 42.778 triệu đồng; Năm 2019: 24.458 triệu đồng; Năm 2020: 43.336 triệu đồng; Năm 2021: 43.336 triệu đồng.

<sup>12</sup> gồm: vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các vốn khác do Nhà nước quản lý.

## **ngành giao thông, dầu khí, điện, than sử dụng vốn nhà nước khác ngoài NSNN**

Trong giai đoạn 2016 - 2021, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình không có dự án trọng điểm các ngành giao thông, dầu khí, điện, than sử dụng vốn nhà nước khác ngoài NSNN.

### **2. Quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị được giao quản lý**

Giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có khá nhiều quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đã được thành lập và đi vào hoạt động theo các quy định chính sách, pháp luật về thành lập, quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước. Trong đó, có 6 quỹ có quy mô lớn<sup>13</sup>. Ngoài ra, còn có một số quỹ có quy mô lớn khác, như Quỹ Phòng, chống thiên tai, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã... Tuy nhiên, các quỹ này do còn một số vướng mắc nên trên thực tế chưa có quyết định thành lập hoặc đã có quyết định thành lập nhưng do vướng mắc trong quá trình huy động nguồn quỹ nên đã đóng tài khoản hoặc chờ chủ trương.

Tất cả các Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước thuộc tỉnh được thành lập theo chủ trương của Chính phủ và được UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn quản lý, sử dụng đúng quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của quỹ. Hàng năm có đánh giá hiệu quả hoạt động cũng như việc bảo tồn và phát triển nguồn vốn. Nhìn chung, tình hình hoạt động, quản lý, sử dụng các quỹ giai đoạn 2016 - 2021 đúng quy định, hiệu quả (*chi tiết tại Phụ lục-biểu 01-06*).

### **III. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

#### **1. Việc triển khai thực hiện Luật THTK, CLP; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành**

Để triển khai thực hiện Luật THTK, CLP; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, thời gian qua chính quyền tỉnh đã tiến hành rà soát 13 VBQPPL do địa phương ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công; rà soát và sửa đổi, bổ sung, thay thế 5 VBQPPL liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công; rà soát danh mục mua sắm tập trung của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để ban hành, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Đã ban hành 15 nghị quyết của HĐND tỉnh, 58 Quyết định của UBND tỉnh để phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công, quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; quy định, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định tại

---

<sup>13</sup> Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình, Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Bình, Quỹ Hỗ trợ phụ nữ tỉnh Quảng Bình, Quỹ Cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách tỉnh Quảng Bình, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Bình, Quỹ cho vay hỗ trợ phụ nữ nghèo.

Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; rà soát danh mục mua sắm tập trung của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để ban hành, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; ban hành quy định của UBND cấp tỉnh về tài sản có giá trị lớn để phân định thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê; quy định phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP...

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một số nội dung như quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thủy nội địa theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP chưa được ban hành, hoặc nội dung quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực y tế; Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo đang trong tình trạng chờ hướng dẫn từ Bộ, ngành trung ương.

## **2. Mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.**

Trong thời gian qua, việc mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành; đảm bảo đúng đối tượng, chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Các cơ quan, đơn vị đều xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị mình. Kinh phí thu được từ việc thanh lý tài sản tại các cơ quan nhà nước đều được thu nộp theo quy định hiện hành.

Tổng hợp kinh phí mua sắm phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh như sau:

Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản, ứng dụng công nghệ thông tin: Năm 2016 là 1.649,2 triệu đồng, năm 2017 là 1.870,55 triệu đồng, năm 2018 là 15.586,2 triệu đồng, năm 2019 là 1.314,7 triệu đồng, năm 2020 là 2.543,8 triệu đồng, năm 2021 là 1.282,3 triệu đồng.

Phương tiện đi lại giai đoạn 2016 - 2021: 01/01/2016, tổng số xe ô tô là 474 xe; trong cả giai đoạn mua sắm thêm 30 xe; thanh lý 42 xe; nộp ngân sách nhà nước hơn 437 triệu đồng; Đa số kinh phí thu được qua xử lý bán, thanh lý tài sản qua các năm đều phát sinh ở các đơn vị sự nghiệp có thu nên kinh phí phần lớn được để lại đơn vị, riêng các đơn vị hành chính số thu được sau khi trừ đi chi phí thanh lý số còn lại mới nộp vào NSNN theo quy định (*Chi tiết tại Phụ lục 05-TSC*).

*Hạn chế:* Do chưa hình thành được trung tâm dịch vụ công cùng quản lý,

điều phối cơ sở vật chất của tỉnh nên nhiều khi việc sử dụng phương tiện, máy móc chưa hiệu quả, chưa phát huy hết công dụng, năng suất của phương tiện, cũng như nhân sự phụ trách liên quan.

### **3. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng.**

Các đơn vị trên địa bàn tỉnh tuân thủ các quy định về đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, quy trình, thủ tục, thẩm quyền xem xét, quyết định trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ:

- Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp qua các năm là: 2016: 1.672,2 triệu đồng; 2017: 1.855,7 triệu đồng, 2018: 15.546 triệu đồng; 2019: 1.180,2 triệu đồng; 2020: 2.211,8 triệu đồng; 2021: 1.029,3 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục 05-TSC*).

- Tỉnh Quảng Bình không có nhà công vụ nên không đánh giá hiệu suất sử dụng nhà công vụ; việc thu hồi nhà, đất công vụ ...

### **4. Việc rà soát, sắp xếp lại, xử lý tài sản công**

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản, quyết định xử lý, sắp xếp 2.343 cơ sở nhà đất với tổng diện tích đất: 21.185.094,5 m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhà: 1.951.951,8 m<sup>2</sup>.

- Chi tiết kết quả phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; Tình hình bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thực hiện rà soát, xây dựng phương án sắp xếp lại xe ô tô công, báo cáo các cấp thẩm quyền xử lý bán, thanh lý, điều chuyển 88 phương tiện, xe ô tô công vụ dôi dư, thu về 1.512.825.000 đồng (*chi tiết tại Phụ lục 05-TSC*).

### **5. Việc cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công**

Từ ngày 01/01/2018 đến nay, tổng số Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, do đơn vị lập đề nghị: 06 đơn vị.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2016 - 2021, việc đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng cơ bản chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, qua giám sát tcho thấy, trong quản lý, sử dụng tài sản công vẫn còn tình trạng mua sắm và sử dụng không đúng mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; việc xử lý, sắp xếp các trụ sở nhiều cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả; việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các địa phương và khối doanh nghiệp nhà nước còn chậm; việc sửa chữa trụ sở làm việc nhiều khi còn chấp vá dẫn đến lãng phí, vẫn còn tình trạng một số trụ sở, cơ quan đơn vị xuống cấp chưa có kinh phí sửa chữa, cải tạo, xây mới nên bỏ hoang giữa các khu đất đặc địa.

*Nguyên nhân:* Do không có kinh phí đầu tư xây mới nên phải tiến hành sửa chữa thành nhiều đợt, coi nói... nhưng hiệu quả không cao do không có tính đồng bộ. Chính vì thế, điều này đặt ra yêu cầu phải có giải pháp để đầu tư có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực công...

## 6. Việc xử lý tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định của pháp luật, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản.

Tổng số dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc trong giai đoạn 2016 – 2021 là 3 dự án; trong đó có 02 dự án đã hoàn thành việc xử lý tài sản, 01 dự án chưa hoàn thành việc xử lý tài sản.

Đã chuyển giao 33 ô tô, phương tiện đi lại khác và 1.010 tài sản khác với số tiền 50,2 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục 05-TSC*).

### \* *Nhận xét chung:*

- Thực hiện việc cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, các công ty đã xây dựng, tiến hành các Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp chuyển từ công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần nhà nước nắm giữ chi phối vốn điều lệ. Việc tinh giản bộ máy, sắp xếp bố trí lại lao động được thực hiện tương đối sát sao... do đó đã tạo chuyển biến tích cực, chủ động trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; việc mua sắm, sử dụng phương tiện và trang thiết bị văn phòng của các công ty Cổ phần ngày càng đi vào thực chất, tiết kiệm.

Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn đã nỗ lực khắc phục tình trạng thua lỗ. Ví dụ: Công ty cổ phần Việt Trung đã góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Hoà phát để thành lập Công ty TNHH chăn nuôi Hoà Phát góp 72,72% vốn, cải thiện được việc kinh doanh...

- Một số các công ty cổ phần nhà nước trên địa bàn hoạt động không hiệu quả (điển hình Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình đã thoái vốn một số doanh nghiệp, khách sạn, siêu thị kinh doanh không hiệu quả. Tuy vậy, quá trình thoái vốn này được tiến hành chậm, phần nào đã gây ảnh hưởng, thất thoát vốn nhà nước)... Một số nỗ lực của các công ty cổ phần nhà nước như hợp tác kinh doanh, liên doanh liên kết với Công ty cổ phần TAMICO để trồng cây ngắn ngày trên diện tích cao su gãy đổ được tiến hành nhưng hiệu quả kinh tế thấp, phải xử lý chấm dứt dự án.

Những sự thua lỗ này đều có nguyên nhân khách quan: tình hình thiên tai, dịch bệnh ở Quảng Bình diễn biến phức tạp, bên cạnh đó hiệu quả quản lý, năng lực quản lý kém).

Nhìn chung, nguồn vốn vay, vốn viện trợ WB, ADB là kênh vốn quan trọng để phát triển cơ sở hạ tầng địa phương. Hiện tại trên địa bàn tỉnh, có nhiều dự án quan trọng sử dụng các nguồn vốn này tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng nguồn vốn này chưa thực sự hiệu quả, xảy ra nhiều sai phạm trong việc quản lý, cơ chế điều hành dẫn đến việc chậm trễ trong thi công, gây lãng phí nguồn lực, tạo ảnh hưởng dư luận xấu, làm mất niềm tin trong nhân dân<sup>14</sup>...

---

<sup>14</sup> Điển hình là những chậm trễ gây lãng phí tại dự án đường cứu hộ, cứu nạn các xã dọc sông Gianh (huyện Quảng Trạch); Kè chống sạt lở bờ sông Gianh đoạn qua các xã Quảng Minh, Quảng Trung, Quảng Hoà huyện Quảng Trạch; dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn; các dự án "Môi trường bền vững các thành phố duyên hải -

#### **IV. Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động:**

##### **1. Sắp xếp, tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập**

Giai đoạn 2016 – 2021, biên chế công chức: Giảm 245 biên chế, trong đó chuyển 55 biên chế của Chi cục Quản lý thị trường sang Bộ Công Thương quản lý và giảm 190 biên chế theo lộ trình tinh giản biên chế, đạt tỷ lệ 12,32%. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Giảm 2.260 người đạt tỷ lệ 9,75%.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP giảm 140 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 22,7%.

- Từ năm 2016 đến năm 2021 UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế cho 591 cán bộ, công chức, viên chức; trong đó: về hưu trước tuổi: 555 người; nghỉ thôi việc ngay: 35 người; chuyển sang các đơn vị sự nghiệp không hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước 01 người (*chi tiết tại Phụ lục B.11*).

*Việc thu gọn đầu mối, sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính, tuyển dụng công chức theo chỉ tiêu biên chế:* Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Giữ nguyên (không thành lập mới, không giải thể): 20 Sở/ ban/ ngành;

Giảm 33 tổ chức, trong đó giảm 24 phòng, 09 chi cục và tương đương; các tổ chức hành chính khác ở cấp tỉnh (Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Ban Quản lý Khu kinh tế): giảm 01 tổ chức do hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh theo Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: Giảm 01 phòng.

- Về tuyển dụng công chức trong tổ chức hành chính: trong giai đoạn 2016 - 2021, tỉnh Quảng Bình đã tuyển dụng 157 công chức.

- Về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã: giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn tỉnh đã sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất 14 xã, 02 thị trấn và 01 phường, còn lại 5 xã, phường, 02 thị trấn và 01 phường; giảm 7 xã, 01 phường (huyện Lệ Thủy giảm 2 xã, thành phố Đồng Hới giảm 01 phường, huyện Bố Trạch giảm 02 xã, huyện Quảng Trạch giảm 01 xã, huyện Tuyên Hóa giảm 01 xã và huyện Minh Hóa giảm 01 xã). Thành lập thị trấn Phong Nha trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch. Tổng toàn tỉnh còn lại 151 xã, phường, thị trấn (128 xã, 15 phường và 8 thị trấn).

---

Tiểu dự án TP Đồng Hới", Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (vốn ADB)... Một số công trình dự án đầu tư đã xong nhưng chưa phát huy tác dụng như dự kiến gây lãng phí mà điển hình là Dự án cấp điện năng lượng mặt trời các xã vùng xa chưa có điện lưới được lắp đặt tại 9 xã của 4 huyện gồm Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Minh Hóa (đến nay các công trình hầu hết hư hỏng, xuống cấp, không đáp ứng được yêu cầu cấp điện cho người dân)

- Về thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố: giảm 129 thôn, tổ dân phố<sup>15</sup>.

- Việc hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập: giảm 57 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: tăng 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh (Trường Trung cấp Kỹ thuật Công - Nông nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Trung cấp Y tế thuộc Sở Y tế thành Trường Cao đẳng); giảm 06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn (và tổ chức tương đương) thuộc UBND tỉnh; giảm 53 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.

- Về tuyển dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập: giai đoạn 2016 - 2021 theo phân cấp của UBND tỉnh các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức tuyển dụng 4292 viên chức. Tuy nhiên, 08 trường hợp tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện không đúng quy định đã yêu cầu thu hồi quyết định tuyển dụng (*chi tiết tại Phụ lục B.11*).

## **2. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động**

- Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố:

+ Số cán bộ xã có 1.568 người, giảm 74 người so với năm 2015, đạt tỷ lệ 10,4%;

+ Số công chức xã có 1.521 người, giảm 108 người, đạt tỷ lệ 10,7%.

+ Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 1.771 người, giảm 1.103 người; số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 2.928 người, giảm 1.121 người (*chi tiết tại Phụ lục B.11*).

Các địa phương đã thực hiện sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ chính sách cho các trường hợp dôi dư theo quy định. Đến thời điểm ngày 01/11/2021, còn 81 cán bộ, công chức cấp xã dôi dư.

- Để nâng cao năng suất lao động, tỉnh đã thực hiện các cơ chế, chính sách thường xuyên tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực CBCCV; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc; tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng CNTT để cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, tạo sự thuận lợi và tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Đoàn giám sát thấy rằng, bên cạnh các kết quả đạt được nêu trên, trong quản lý, sử dụng lao động trong thời gian vừa qua vẫn còn một số tồn tại, bất cập, như: (1) Về rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế chậm được triển khai thực hiện; (2) Hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy hành chính, bộ máy tư pháp chưa đạt yêu cầu đề ra; công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương còn hạn chế; (3) Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản, thiết yếu, tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị SNCL; định mức kinh tế - kỹ thuật ở một số ngành, lĩnh vực chậm được ban hành, sửa đổi, bổ sung, gây khó khăn cho việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị SNCL; (4) Việc

<sup>15</sup> Tổng số thôn, bản, tổ dân phố năm 2015 là 1.266; Đến nay: 1.137 thôn, tổ dân phố

quản lý, sử dụng biên chế ở một số sở, ngành, địa phương chưa đúng quy định (Sở Giáo dục và Đào tạo); việc tinh giản biên chế tuy đạt được chỉ tiêu về số lượng nhưng còn mang tính cơ học, chưa thực sự gắn kết với việc cơ cấu lại, nâng cao chất lượng; (5) Việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và theo vị trí việc làm chưa đạt yêu cầu đề ra.

## **V. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên**

### **1. Quản lý, khai thác, sử dụng đất đai**

*1.1 Công tác giao đất, cho thuê đất:* Giai đoạn 2016-2021, Tỉnh Quảng Bình giao gần 150 ha đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, thu 8.400.984 triệu đồng; giao cho thuê 115,08ha thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất, thu về 6.201.068 triệu đồng; giao đất cho thuê 17.504,33ha không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất thu về 1.968.765 triệu đồng.

Thực hiện 678 dự án theo hình thức thoả thuận với diện tích 3.555,16ha đất sử dụng cho mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ và các mục đích khác. Công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cơ bản được thực hiện tuân theo các quy định pháp luật hiện hành và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

*1.2 Công tác quy hoạch sử dụng đất đai:* Công tác quy hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Triển khai hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) và đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 09/5/2018.

Trong năm 2021, đã hoàn thành công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các huyện, thành phố, thị xã và đã được UBND tỉnh phê duyệt. Hiện nay, tỉnh đang lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030.

Công tác lập, điều chỉnh và tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ; việc lấy ý kiến nhân dân được quan tâm, chú trọng.

*1.3. Việc sắp xếp phương án sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước*

Các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa đều xây dựng phương án sử dụng đất, hồ sơ cổ phần hóa doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi cổ phần hóa, các doanh nghiệp đều sử dụng đất đúng mục đích

có hiệu quả; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất đầy đủ bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

*1.4 Việc quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường, đất dịch vụ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất:* Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có 06 công ty nông, lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 04 công ty thuộc UBND tỉnh Quảng Bình quản lý, bao gồm: Công ty TNHH MTV LCN Bắc Quảng Bình, Công ty TNHH MTV LCN Long Đại, Công ty Cổ phần Lệ Ninh và Công ty Cổ phần Việt Trung - Quảng Bình; 02 công ty lâm nghiệp thuộc trung ương và địa phương khác quản lý, gồm: Công ty Cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ và Công ty TNHH MTV LN Bến Hải - Quảng Trị.

Các công ty TNHH MTV Lâm nghiệp đã triển khai rà soát, điều chỉnh ranh giới diện tích và giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và chuyển sang hình thức thuê đất đối với diện tích đất rừng sản xuất của 06 công ty lâm nghiệp.

Theo kết quả rà soát đất đai, tổng diện tích đất của 06 công ty tiếp tục giữ lại quản lý, sử dụng là 114.355,97 ha; tổng diện tích đất 06 công ty đã bàn giao về cho địa phương là 33.010,59 ha. Phần diện tích các công ty giữ lại cơ bản đã được cấp Giấy chứng nhận, ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Phần diện tích bàn giao về cho địa phương đã thực hiện giao 25.885,49 ha đất cho các tổ chức, cộng đồng dân cư quản lý đối với phần diện tích đất rừng tự nhiên; giao 3.001,08 ha đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp; phần diện tích còn lại 4.124,02 ha do UBND cấp xã tạm giữ để quản lý do phần diện tích này chủ yếu là đất rừng tự nhiên, đất xa khu dân cư có địa hình khó khăn, đất sông, suối,.... không sản xuất được.

Đến nay, các Công ty cơ bản đã hoàn thành việc rà soát cắm mốc ranh giới sử dụng đất, đo đạc lập bản đồ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích các đơn vị giữ lại.

*1.5 Việc xử lý, thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật*

Từ khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh Quảng Bình đã thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai (do giao đất, cho thuê đất không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền với diện tích 15,04 ha; do đất được giao, cho thuê nhưng không đưa vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng với diện tích 82,56 ha).

Cơ bản các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh đã được thanh tra và kiểm toán. Từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh Quảng Bình đã thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai (do giao đất, cho thuê đất không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền với diện tích 15,04 ha; do đất được giao, cho thuê nhưng không đưa vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng với diện tích 82,56 ha).

## **2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

Về hồ chứa, đập dâng, toàn tỉnh có 150 hồ chứa, 95 đập dâng với tổng dung tích ước tính khoảng 243,3 triệu m<sup>3</sup>, trong đó hầu hết khai thác nước cho sản xuất nông nghiệp, một số hồ chứa có mục đích cấp nước cho sinh hoạt (hồ Phú Vinh, Sông Thai, Thác Chuối).

Về hệ thống trạm bơm: Hiện có 38 trạm bơm, trong đó khai thác nước cho sản xuất nông nghiệp có 26 công trình, 01 công trình cấp nước công nghiệp và 11 công trình cấp nước sạch sinh hoạt cho người dân. Theo thống kê trong số 283 công trình khai thác nước mặt, có 21 công trình khai thác trên dòng chính.

Về khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp: Toàn tỉnh có 823 công trình thủy lợi (150 hồ chứa các loại, 193 đập dâng, 298 trạm bơm, 179 cống tưới tiêu các loại); 2.162km kênh mương; 116 công trình nước sạch nông thôn tập trung. Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh từ các công trình thủy lợi trên các lưu vực sông: Ròn, Gianh, Lý Hòa, Dinh, Nhật Lệ, với khoảng gần 560 triệu m<sup>3</sup>.

Về cấp nước đô thị: Toàn tỉnh có 10/10 đô thị có Nhà máy nước sạch với tổng công suất 61.930 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó 10/12 nhà máy nước dùng nguồn nước mặt, còn lại 02 nhà máy dùng nguồn nước ngầm.

- Về hệ thống công trình nước sạch nông thôn: Toàn tỉnh có 117 công trình cấp nước tập trung, với tổng công suất khai thác khoảng 42.743 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đảm nhiệm cấp nước sinh hoạt cho 74.396 hộ dân nông thôn. Ngoài ra có khoảng 112.360 công trình cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình (giếng khoan, giếng đào,...); Công trình hoạt động có hiệu quả có 46 công trình, chiếm 48,94%; công trình hoạt động không hiệu quả có 48 công trình, chiếm 51,06%.

Phần lớn các công trình đã được xây dựng từ lâu, dây chuyền công nghệ xử lý nước lạc hậu, thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai nên các công trình hầu hết đã xuống cấp, hư hỏng chính vì thế đã xảy ra tình trạng lãng phí tài nguyên nước đặc biệt vào mùa khô hạn.

## **3. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản**

- Tổng số Giấy phép khai thác trên địa bàn tỉnh đến thời điểm báo cáo là 415 giấy phép, trong đó có 111 mỏ đang còn hiệu lực (99 mỏ đang khai thác; 06 mỏ đang tạm dừng và 06 mỏ chưa khai thác); 08 mỏ đang thực hiện đóng cửa mỏ; các khu vực mỏ còn lại được cấp phép theo quy định của Luật khoáng sản năm 1996, sửa đổi 2005 nay đã hết hạn đóng cửa mỏ hoặc đã cấp phép lại theo quy định hiện hành.

- UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt 149 dự án khai thác khoáng sản với tổng số tiền hơn 532,0 tỷ đồng. Tổng số tiền cấp quyền đã thu hơn 143,0 tỷ đồng.

- Số lượng khu vực khoáng sản đang thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 180 mỏ (180 giấy phép) khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, với tổng trữ lượng đã phê duyệt là 218.179.951m<sup>3</sup>.

- Tổng nộp ngân sách từ hoạt động khai thác khoáng sản (kết quả thu thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác): Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 143.080.942.211 đồng; Thuế tài nguyên: 228.282.764.859 đồng; Phí bảo vệ môi trường: 91.661.869.053 đồng.

UBND tỉnh ban hành 125 giấy phép, quyết định hoạt động khoáng sản, đồng thời trình UBND tỉnh ban hành các văn bản tận thu đất san lấp từ việc thực hiện công trình, dự án cải tạo mặt bằng của các tổ chức cá nhân. Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ theo quy định.

#### **4. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng**

Giai đoạn 2016 - 2021, toàn tỉnh khai thác rừng trồng tập trung 51.859 ha, sản lượng đạt 3,1 triệu m<sup>3</sup>, bình quân mỗi năm khai thác đạt 8.643 ha, sản lượng đạt gần 0,52 triệu m<sup>3</sup>, vượt chỉ tiêu kế hoạch. Năng suất rừng trồng bình quân đến năm 2021 đạt 16,5 m<sup>3</sup>/ha/năm. Trồng rừng tập trung 49.922 ha, trung bình mỗi năm trồng được 8.320 ha.

Giai đoạn năm 2016 - 2021, các mục tiêu, chỉ tiêu trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng cơ bản đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch phát triển lâm nghiệp. Trồng rừng tập trung 49.922 ha/34.000 ha, vượt 46,8% kế hoạch; khai thác rừng trồng 51.859 ha/45.000 ha, vượt 15,2% kế hoạch; sản lượng khai thác 3,1 triệu m<sup>3</sup>/3,0 triệu m<sup>3</sup>, vượt 3,3% kế hoạch. Năng suất rừng trồng bình quân năm 2021 đạt 16,5 m<sup>3</sup>/ha/năm, tăng 2,5 m<sup>3</sup>/ha/năm so với năm 2016.

Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng nên diện tích rừng tự nhiên cơ bản được giữ ổn định, diện tích rừng trồng ngày càng tăng, tỉ lệ che phủ rừng năm 2021 đạt 68,58%, vượt 0,58% so với kế hoạch đề ra.

#### **5. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tái chế và năng lượng tái tạo**

UBND tỉnh luôn quan tâm đầu tư phát triển việc khai thác năng lượng tái tạo tối ưu; đẩy mạnh nghiên cứu và xây dựng các dự án sử dụng công nghệ tái chế nước thải và chất thải; các dự án sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

Đối với một số loại tài nguyên tái chế khác như rác thải, hiện tại trên địa bàn tỉnh có nhà máy xử lý rác thải và phân bón khoáng hữu cơ của Công ty phát triển dự án Việt Nam đã tiến hành thu gom các loại rác thải để phân loại, chế biến, cụ thể: đối với các loại rác thải hữu cơ tái chế để làm phân bón, sản xuất điện; các loại chất thải rắn kim loại được phân loại cung cấp cho các nhà máy luyện kim; các loại rác thải không tái chế được thì đưa chôn lấp nhằm tận dụng tối đa nguồn tài nguyên, chống lãng phí.

Các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, điện sinh học, thủy điện...luôn được quan tâm hàng đầu đảm bảo vừa phát triển kinh tế vừa bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu. Các dự án năng lượng sạch,

năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh bao gồm: 01 dự án điện gió<sup>16</sup>; 01 dự án điện mặt trời<sup>17</sup>; 472 hệ thống điện mặt trời mái nhà được đầu tư trên các mái nhà công nghiệp, dân dụng<sup>18</sup>; 01 Dự án Hợp phần phát điện của Nhà máy xử lý rác thải và phân bón khoáng hữu cơ<sup>19</sup> (tuy nhiên do chưa có cơ chế giá phù hợp với công nghệ phát điện của dự án nên chưa thể thống nhất được các nội dung trong Hợp đồng mua bán điện, hiện nay đang phải tạm ngừng hoạt động);

Thu hồi nhiệt thải phát điện: Dự án thu hồi nhiệt thải phát điện của hai nhà máy (Clinker Văn Hóa và xi măng Sông Gianh) có tổng công suất 17MW đã được đầu tư phát điện từ năm 2019; hiện nay 02 đơn vị đang tiến hành phát điện để sử dụng nội bộ.

## **6. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo;**

Thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và nhiều chương trình, kế hoạch phát triển du lịch quan trọng khác đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở huy động các nguồn lực đầu tư phát triển du lịch vùng biển và ven biển.

Về khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản vùng ven biển, địa phương cũng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển thủy sản, khuyến khích, hỗ trợ khai thác và dịch vụ khai thác trên các vùng biển xa; triển khai công tác chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và theo quy định (khai thác IUU), tháo gỡ Thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu.

Địa phương hiện đang tập trung thực hiện Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Nam Quảng Bình giai đoạn 2015 - 2020, trong đó trồng mới và chăm sóc 1.300 ha rừng phòng hộ, Dự án khi triển khai sẽ đạt được một số kết quả chính gồm: Trồng mới 1.458 ha và phục hồi 1.625 ha rừng phòng hộ ven biển và rừng ngập mặn; bảo vệ 1.153 ha rừng ven biển thông qua hình thức giao rừng cho nhóm hộ/cộng đồng quản lý lâu dài theo cơ chế đồng chia sẻ lợi ích.

Hiện tại tỉnh Quảng Bình đã tiếp nhận 03 hồ sơ đề nghị giao khu vực của tổ chức, cá nhân và đã thực hiện giao khu vực biển cho 01 tổ chức: Công ty Cổ phần DKC Hòn La, diện tích sử dụng biển được giao 0,87 ha, thời hạn giao 30 năm, sử dụng vào mục đích thi công xây dựng công trình để vây chắn sóng.

### **\* Nhận xét chung:**

Qua giám sát Đoàn ĐBQH tỉnh nhận thấy, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế: Việc quản lý, khai thác, sử dụng đất đai còn kém hiệu quả nhưng chưa được khắc phục, số lượng, diện tích đất đai chưa sử dụng, để lãng phí, hoang hóa hoặc sử dụng sai mục đích còn diễn ra ở hầu hết các địa

<sup>16</sup> đã hoàn thành và tiến hành phát điện thương mại vào ngày 31/10/2021: Dự án Cụm trang trại điện gió B&T, công suất lắp đặt 252 MW

<sup>17</sup> Nhà máy điện mặt trời DOHA- Lệ Thủy, công suất 49,5MWp đã hoàn thành phát điện thương mại trước ngày 31/12/2020

<sup>18</sup> có tổng công suất 45,696 MWp đã được hợp đồng mua bán điện trước ngày 31/12/2020

<sup>19</sup> công suất 5,4MW, tổng mức đầu tư 295 tỷ đồng. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực tháng 4/2018

phương. Việc thu hồi các dự án không triển khai thực hiện, chậm tiến độ chưa được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai. Thời Gian qua, tỉnh đã kiểm tra rà soát và xử lý thu hồi đối với 10 dự án tổng số 29,19 ha với mục đích Quốc phòng an ninh; thu hồi đối với 694 dự án (tổng số 1114,26 ha) với mục đích phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích cộng đồng; thu hồi 7,39 ha đất dự án gây ô nhiễm môi trường; thu hồi 218,8 ha đất vi phạm do lấn chiếm; không có thống kê về tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, giao đất, cho thuê đất không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền; không có số liệu về số tiền xử phạt vi phạm thu được trong giai đoạn.

Giai đoạn 2016 - 2021 đã xử lý 61/67 vụ việc vi phạm pháp luật về đất đai (trong đó có 38 vụ liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); xử lý 338/353 vụ khiếu nại, khiếu kiện về đất đai; 83/83 vụ tố cáo về đất đai, giải quyết hơn 100 vụ việc tranh chấp liên quan tới đất đai.

Đối với việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi vùng biển, thềm lục địa, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác của tỉnh tuy chặt chẽ nhưng vẫn chưa hợp lý. Việc sử dụng tài nguyên nước còn lãng phí; việc quản lý, khai thác, sử dụng nước ngầm chưa được quy định cụ thể, việc sử dụng còn tùy tiện, lãng phí; việc cấp giấy phép sử dụng, khai thác nước chưa được chú trọng.

Quản lý tài nguyên khoáng sản cũng còn nhiều bất cập, hạn chế,... Trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản còn vướng mắc từ khâu quy hoạch đến khâu tổ chức thực hiện; thất thu ngân sách khá lớn. Đến nay chưa ban hành quy định về tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai, chưa ban hành giá tính thuế tài nguyên; tình trạng vi phạm pháp luật trong quản lý, khai thác khoáng sản còn xảy ra ở nhiều nơi (điển hình như tình trạng khai thác các mỏ tận thu dẫn đến ô nhiễm môi trường, biện pháp thủ công, hiệu quả không cao, khai thác cát trái phép với quy mô lớn; vẫn còn tình trạng khai thác khoáng sản khi giấy phép đã hết hạn hoặc không có giấy phép; khai thác vượt công suất được phép khai thác; khai thác không đúng thiết kế<sup>20</sup>...

<sup>20</sup> Năm 2018: Kế hoạch thanh tra khoáng sản 01 cuộc thanh tra: Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực TNMT về hoạt động thăm dò khoáng sản (11 tổ chức); Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Khoáng sản, bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình; Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Khoáng sản của công ty Linh Thành Quảng Bình thuộc địa bàn xã Châu Hóa cho thấy tình trạng khai thác trái phép cát, sỏi lòng sông, lập bến, bãi tập kết cát sỏi trái phép và kinh doanh cát, sỏi không rõ nguồn gốc vẫn còn diễn ra ở một số xã; việc cấp phép cải tạo mặt bằng tận thu đất làm vật liệu san lấp của UBND huyện còn thiếu chặt chẽ. Các đơn vị thực hiện cấm mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản không đúng quy cách hoặc đã cấm mốc nhưng không đầy đủ số lượng trong quá trình thực hiện thăm dò. Có 5/11 đơn vị được thanh tra hồ sơ giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản không lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định (không lưu các hồ sơ như: Kế hoạch giám sát; Nhật ký giám sát; Biên bản giám sát; Báo cáo kết quả giám sát, các mẫu vật...).

\* Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các hành vi vi phạm như Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản; Khai thác đất làm vật liệu san lấp mà không có Giấy phép... Thanh tra Sở đã lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực khoáng sản: 265 triệu đồng; yêu cầu 01 tổ chức chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản.

- Năm 2019: Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện một số vi phạm như: Các đơn vị được thanh tra đều cấm mốc các điểm khép góc ranh giới khu vực mỏ không đúng quy cách, không có bảng chỉ dẫn trên bờ đổ với các vị trí điểm ranh giới mỏ nằm giữa lòng sông. Tất cả các đơn vị đều không lập hoặc có lập sổ theo dõi, tài liệu liên quan

## **7. Quản lý, khai thác, sử dụng kho số viễn thông, kho số biển số xe ô tô, xe máy và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước; tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh**

Giai đoạn 2016 - 2021, các sở, ngành liên quan đã hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch chuyển đổi trạm BTS công kênh trong khu dân cư sang trạm BTS đa năng, thân thiện với môi trường. Về cơ bản việc xây dựng, phát triển mới các trạm BTS đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật, an toàn, mỹ quan theo quy định và nhận được sự phối hợp, hợp tác của chính quyền địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan. Các công trình trạm BTS được kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đặc biệt trước mùa lụt, bão hàng năm để đảm bảo an toàn, đảm bảo thông tin liên lạc trong phòng, chống thiên tai...; Công tác quản lý thuê bao di động trả trước, trả sau, cố định được tập trung thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong đó trọng tâm là đôn đốc các doanh nghiệp cập nhật, chuẩn hoá thông tin thuê bao, xử lý tin nhắn rác và sim rác. Đến nay, đã khắc phục cơ bản tình trạng “sim rác” và “tin nhắn rác”, đảm bảo quản lý chặt chẽ đúng quy định thuê bao trả trước.

Tuy nhiên, các trang websites của các cơ quan trong tỉnh vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Bên cạnh một số đơn vị duy trì tốt để trở thành kênh thông tin, chính thống thường xuyên cập nhật tin tức, văn bản thì một loạt các websites vẫn tồn tại theo kiểu hình thức, gây lãng phí tài nguyên, máy chủ trên các nền tảng công nghệ. Nhiều ứng dụng quản lý văn bản, cập nhật thông tin cũng tồn tại ở trung ương và địa phương, chưa có tính liên thông gây mất nhiều công sức, rối rắm và lãng phí.

Qua theo giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh thấy rằng, việc quản lý, khai thác, sử dụng kho số điện thoại, kho số viễn thông và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh, kho số biển số xe ô tô,... còn chưa hiệu quả, chưa khai thác được tiềm năng nguồn tài nguyên này.

## **V. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DNNN**

### **1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp**

*1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:* Năm 2016, UBND tỉnh Quảng Bình làm đại diện cơ quan chủ sở hữu tại 04 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; 05 doanh nghiệp có vốn nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ<sup>21</sup>. Giai đoạn 2016 – 2021, tổng doanh thu các nghiệp có vốn nhà

---

để xác định khối lượng khoáng sản đã khai thác, xuất kho bãi không rõ ràng; hàng tháng không thống kê, tính toán, cập nhật số liệu khối lượng đã khai thác để khai báo sản lượng tính thuế tài nguyên khoáng sản và báo cáo hoạt động khoáng sản và thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; lưu trữ sổ sách, tài liệu, chứng từ để xác định sản lượng khai thác thực tế và các tài liệu liên quan. Trong quá trình hoạt động khai thác, các đơn vị đều khai thác không đảm bảo công suất đã được cấp phép. Qua thanh tra, kiểm tra đã xử phạt vi phạm hành chính 15 tổ chức và 01 cá nhân với số tiền là 771. 892.000 đồng.

- Năm 2020: Qua kiểm tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 tổ chức với số tiền 154.397.850 đồng.

- Năm 2021: Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 cá nhân và 8 tổ chức với số tiền 611.920.000 đồng.

<sup>21</sup> (bao gồm: 03 doanh nghiệp chủ yếu hoạt động dịch vụ công ích và 01 công ty Xổ số kiến thiết và 01 Công ty Cấp nước sinh hoạt)

nước đạt: 3.574.121 triệu đồng; tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 109.260 triệu đồng; nộp ngân sách nhà nước đạt: 555.318 triệu đồng.

1.2. *Việc tuân thủ các nguyên tắc trong THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh:* Các công ty đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; quy định quản lý và sử dụng, định mức tiêu thụ nhiên liệu xe ô tô, quy chế quản lý, sử dụng các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và thực hiện các quy định khác về định mức kinh tế - kỹ thuật theo các quy định của Nhà nước. Việc trích lập các Quỹ và phân phối lợi nhuận theo quy định. Hầu hết các công ty đều có lãi. Dù ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, nhìn chung, các doanh nghiệp đều nộp doanh thu cho nhà nước, doanh thu có chiều hướng tăng<sup>22</sup>.

Đã thực hiện tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh với số tiền: 8.695 triệu đồng Cụ thể: Tiết kiệm chi phí sản xuất: 5.611 triệu đồng; tiết kiệm chi phí quản lý: 3.069 triệu đồng; Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật: 15 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục 09-DNNN*).

## **2. Việc THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn NSNN, tài sản NN, tài nguyên, lao động, thời gian lao động tài nguyên tại doanh nghiệp**

Việc quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng tài sản, đúng mục đích ghi trong quyết định giao đất, hợp đồng cho thuê đất, Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Các doanh nghiệp đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng hiệu quả đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, đồng thời tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát nội

---

<sup>22</sup> Năm 2016, tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (MS 410): 708.375 triệu đồng. Tổng tài sản là 3.422.928 triệu đồng. Tổng doanh thu đạt 518.408 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 11.880 triệu đồng. Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp là 73.485 triệu đồng. Phần lớn doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh có lãi, chỉ có Công ty TNHH MTV Việt Trung năm 2016 mặc dù đã cố gắng khắc phục hậu quả nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ: 12 tỷ đồng.

Năm 2017, tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (MS 410): 703.932 triệu đồng. Tổng tài sản là 3.419.793 triệu đồng. Tổng doanh thu đạt 540.271 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 16.495 triệu đồng. Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp là 86.135 triệu đồng.

Năm 2018, tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (MS 410): 673.512 triệu đồng. Tổng tài sản là 3.775.620 triệu đồng tăng 10,4% so với năm 2017. Tổng doanh thu đạt 627.792 triệu đồng tăng 11,6% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế đạt 20.261 triệu đồng. Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp là 93.142 triệu đồng.

Năm 2019, tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (MS 410): 754.457 triệu đồng. Tổng tài sản là 3.763.156 triệu đồng. Tổng doanh thu đạt 628.060 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 18.205 triệu đồng. Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp là 103.523 triệu đồng.

Năm 2020, tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (MS 410): 1.571.510 triệu đồng. Tổng tài sản là 2.885.270 triệu đồng, giảm 23,4% so với năm 2019 (do tại Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị bán giao tài sản cho Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố Đồng Hới theo quy định). Tổng doanh thu đạt 631.530 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 24.214 triệu đồng. Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp là 95.510 triệu đồng.

Năm 2021, tổng vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (MS 410): 754.457 triệu đồng. Tổng tài sản là 3.763.156 triệu đồng. Tổng doanh thu đạt 628.060 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 18.205 triệu đồng. Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp là 103.523 triệu đồng.

bộ, đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các trường hợp sai phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

Công tác mua sắm tài sản, vật tư trong kỳ, các doanh nghiệp thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật hiện hành. Giá trị mua sắm hàng hóa vật tư luôn luôn so sánh, kiểm soát và ký kết hợp đồng chặt chẽ.

### **3. Công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước**

*3.1. Về công tác cổ phần hóa:* Giai đoạn 2016-2020 có 02 doanh nghiệp sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 1682/TTg-ĐMDN ngày 21/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Công ty CP Việt Trung Quảng Bình (10/2017) và Công ty CP Lệ Ninh Quảng Bình (10/2017). Đến nay, 02 công ty đã chuyển sang mô hình hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Công ty cổ phần Lệ Ninh đã chuyển sang công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ 91,95% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Việt Trung đã chuyển sang công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ 61,95% vốn điều lệ.

#### *3.2. Về công tác thoái vốn nhà nước:*

Thực hiện Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020, tỉnh Quảng Bình có 03 doanh nghiệp cổ phần hóa tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước lần hai, cụ thể: Tổng số tiền thu từ thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 99.674,4 triệu đồng, trong đó: Năm 2017: Công ty CP Cấp nước Quảng Bình 57.242,7 triệu đồng, Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình 2.195,7 triệu đồng; năm 2019: Công ty CP Cấp nước Quảng Bình 40.236 triệu đồng.

Số tiền thoái vốn đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp 98.684 triệu đồng, trong đó: Năm 2018: 58.854 triệu đồng; năm 2020: 39.830 triệu đồng.

### **4. Việc cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước**

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo số 1152/UBND-KTN ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại, cổ phần hoá, thoái vốn và xử lý dứt điểm tồn tại để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án cơ cấu lại của 02/09 doanh nghiệp: (i) Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi, (ii) Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Bình, còn 07 doanh nghiệp chưa phê duyệt phương án và đã có Văn bản số 415/UBND-KT ngày 28/3/2018 và Văn bản số 1356/UBND-KT ngày 15/8/2018 báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

### **5. Việc quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước**

Giai đoạn 2016-2021, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp nhà nước thuộc UBND tỉnh Quảng Bình quản lý không có đầu tư vốn ra nước ngoài. Tuy nhiên, để sử dụng vốn hiệu quả, các công ty đã tiến hành nhiều hoạt

động liên doanh liên kết từ quỹ đầu tư phát triển để đầu tư các hạng mục công trình theo đúng quy định<sup>23</sup>.

## 6. Xử lý vi phạm

Giai đoạn năm 2016-2021, không phát hiện doanh nghiệp nhà nước vi phạm pháp luật, làm thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước nên không xử lý vi phạm.

*Nhận xét chung:* Giai đoạn giám sát 2016-2021, các DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tiến hành các hoạt động sắp xếp lại, thoái vốn. Hoạt động này đã đưa lại hiệu quả bước đầu, sử dụng hiệu quả nguồn tài sản của nhà nước để phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp các mục đích công ích khác. Tuy vậy, tình trạng lãng phí nguồn lực vẫn còn xảy ra do các doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa thực sự chủ động trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường, do kết hợp các nhiệm vụ công ích và ràng buộc về nghĩa vụ tài chính, nhiệm vụ chính trị, có một số những vướng mắc trong vận hành.

### D. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM TOÁN, XỬ LÝ VI PHẠM TRONG THTK, CLP

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh nhận thấy, trong giai đoạn 2016-2021, toàn ngành thanh tra địa phương đã triển khai thực hiện 1.807 cuộc thanh tra, trong đó thanh tra hành chính 398 cuộc, thanh tra kiểm tra chuyên ngành 1.409 cuộc. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện số tiền sai phạm 136.763 triệu đồng, trong đó, kiến nghị thu hồi 53.225 triệu đồng, giảm trừ thanh toán, kiến nghị khác 54.970 triệu đồng; xử phạt vi phạm hành chính số tiền 28.568 triệu đồng; kiến nghị thu hồi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 818 m<sup>2</sup>; kiến nghị xử lý 37.607 m<sup>2</sup> đất. Số tiền đã thu hồi 67.256 triệu đồng, đạt tỷ lệ 82,3%; kiến nghị xử lý hành chính 453 tổ chức và 153 cá nhân; chuyển hồ sơ 06 vụ việc<sup>24</sup> có dấu hiệu tội phạm qua cơ quan Cảnh sát Điều tra để điều tra làm rõ hành vi vi phạm.

<sup>23</sup> Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Bình đã thực hiện góp vốn với Công ty In Quảng Bình đầu tư vào Dự án Nhà máy Carton tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, với giá trị vốn góp giai đoạn 1 là 3.627 triệu đồng. Kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2016 - 2020 có lãi, nhưng do từ năm 2013-2015, Công ty sản xuất kinh doanh thua lỗ, số lợi nhuận sau thuế lũy kế lỗ đến năm 2017: 1.021 triệu đồng. Vì vậy, năm 2018- 2020 Công ty liên doanh thực hiện bù trừ lỗ theo quy định của nhà nước. Năm 2020, đã hòa vốn.

Công ty TNHH MTV LCN Long Đại thực hiện góp vốn liên doanh liên kết sản xuất chế biến nhựa thông và nguyên liệu dăm giấy tại hai Công ty cổ phần Chế biến nhựa thông Quảng Bình và Công ty cổ phần sản xuất lâm sản xuất khẩu Quảng Đông. Đến thời điểm 31/12/2020 đã thu hồi được vốn đầu tư ban đầu, cổ tức của năm: 2016: 788 triệu đồng; 2017: 788 triệu đồng; năm 2018: 1.182 triệu đồng; năm 2019: 867 triệu đồng.

Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình liên kết liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Khôi Nguyên theo hình thức góp vốn bằng tài sản và phân chia lợi nhuận theo tháng.

Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình: Công ty góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình; bước đầu cho thấy hiệu quả, cổ tức được chia cho Công ty năm 2017: 0,9 tỷ đồng; năm 2018: 6,6 tỷ đồng; năm 2019: 5,5 tỷ đồng; năm 2020: 19 tỷ đồng.

<sup>24</sup> Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai tại xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch từ năm 2010 - 2015 đã phát hiện vi phạm trong quản lý sử dụng đất đai đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với các cán bộ, nhân viên có liên quan và có trách nhiệm nộp số tiền sai phạm vào ngân sách nhà nước, hoàn trả lại cho các hộ gia đình; ngoài ra đã phát hiện và chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an huyện Bố Trạch để điều tra làm rõ về nội dung: UBND xã (từ năm 2009 đến năm 2010) đã mượn tiền của các cá nhân mà người trực tiếp ký phiếu thu mượn tiền là ông Nguyễn Ngọc Hoàn, nguyên Chủ tịch UBND xã và các cán bộ có liên quan với tổng số tiền 505.828.500 đồng.

- Thanh tra công tác quản lý tài chính tại Phòng Y tế huyện Bố Trạch phát hiện từ năm 2010-2015, Phòng Y tế đã để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng như sử dụng sai dự toán ngân sách giao, dùng nguồn kinh phí tiền lương để chi hoạt động thường xuyên; trong 02 năm 2014 và 2015 đã quyết toán số tiền 181.611.447 đồng không có chứng từ gốc; từ năm 2013 đến tháng 6 năm 2016, Trưởng phòng Y tế tự ý ký hợp đồng thời vụ từ 5 - 10 người làm việc trực tiếp tại các Trạm Y tế.

- Thanh tra thị xã Ba Đồn chuyển hồ sơ đến Công an thị xã Ba Đồn 01 vụ việc: Thanh tra đột xuất 01 cuộc thanh tra về công tác quản lý thu, chi tài chính tại Trạm Khuyến nông thị xã. Qua thanh tra phát hiện: Chủ tài khoản và kế toán Trạm Khuyến nông thị xã đã làm khống hồ sơ và sai lệch hồ sơ kế toán năm 2017, với tổng số tiền sai

Trong giai đoạn 2016-2021, các cơ quan có thẩm quyền không tiến hành thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, xử lý vi phạm theo quy định Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) tại Thanh tra tỉnh.

Công tác thanh tra: Từ 2016-2021, Thanh tra tỉnh đã tiến hành 41 cuộc thanh tra có nội dung liên quan thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Số cuộc đã ban hành kết luận thanh tra: 41 cuộc. Qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế số tiền 14.984 triệu đồng, kiến nghị thu hồi vào NSNN 10.958 triệu đồng, kiến nghị khác 4.026 triệu đồng. Số tiền đã thu hồi 10.958 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%; kiến nghị xử lý hành chính đối với 90 tập thể và 244 cá nhân.

Nội dung sai phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra: Các khoản chi sai chế độ, chính sách quy định; kê khai, trích nộp NSNN các khoản phí, lệ phí chưa đúng tỷ lệ quy định; các khoản thuế: TNDN, GTGT, TNCN chưa kê khai hoặc kê khai chưa đầy đủ...

Ngoài ra tại các đơn vị thụ hưởng ngân sách đã tăng cường kiểm tra nội bộ ngành, đơn vị, cơ quan theo Kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm để phát hiện những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý tài chính - ngân sách, hoạt động chuyên môn để khắc phục.

- Về kiến nghị hành chính: Về cơ bản các đơn vị đã thực hiện kiểm điểm trách nhiệm các cá nhân, tập thể có liên quan.

Nhìn chung, công tác thanh, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, đều đặn; tuy nhiên, khác với việc xử lý tham nhũng, việc quy trách nhiệm và xử lý vi phạm trong THTK, CLP rất khó thực hiện do tình trạng “cha chung không ai khóc”, tình trạng có lãng phí nhưng không thể xử lý được trách nhiệm cá nhân; các cuộc thanh kiểm tra vẫn còn lồng ghép, ít các cuộc thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề riêng về THTK, CLP.

## **Đ. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

#### **1. Việc ban hành chính sách, pháp luật về THTK, CLP**

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh nhận thấy, việc ban hành chính sách, pháp luật về THTK, CLP cơ bản đảm bảo tính kịp thời, tương đối đồng bộ.

+ *Về tính phù hợp*: Nhìn chung, các nội dung chính sách, pháp luật THTK, CLP của Tỉnh về cơ bản phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đúng quy định, thẩm quyền.

+ *Về tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất*: nhìn chung văn bản ban hành đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống VBQPPL của cấp có thẩm quyền liên quan đến THTK, CLP từ Trung ương đến địa phương.

---

phạm 150.906.000đ. Ngoài ra, từ năm 2014 đến năm 2017 Trạm Khuyến nông chưa thực hiện việc quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định.  
- Thanh tra tỉnh chuyển hồ sơ 01 vụ việc có dấu hiệu tội phạm qua cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình để điều tra làm rõ hành vi của Công ty TNHH Hoàng Bảo Anh có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc chiếm dụng số tiền 758.155.200 đồng đã tạm ứng xây dựng công trình nhưng sử dụng vào mục đích khác.  
- Thanh tra huyện Lệ Thủy chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy để xem xét khởi tố hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.  
- Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chuyển kết quả thanh tra và hồ sơ 01 vụ việc vi phạm tại Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh để điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ *Về tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả:* Xét về mặt tổng quan, tính đến thời điểm giám sát, một số văn bản trung ương là những công cụ pháp lý, là chế tài, biện pháp để đảm bảo cho việc triển khai việc THPTK, CLP. Về cơ bản đã tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong việc ban hành các văn bản, các nội dung chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Luật, Nghị quyết,... trong công tác THPTK, CLP.

## **2. Về công tác triển khai**

Với sự áp dụng khoa học công nghệ, hệ thống quản lý văn bản, các nền tảng trực tuyến, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về THPTK, CLP có bước tiến rõ rệt, hạn chế được khối lượng giấy tờ, công sức lao động, thông tin được tuyên truyền, ứng dụng, sử dụng hiệu quả, có bước tiến rõ rệt so với trước đây. Việc rà soát, bổ sung, xây dựng cơ chế, chính sách được coi trọng; công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh; kịp thời sửa đổi, bổ sung một số định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước địa phương phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn.

Qua giám sát cho thấy, việc quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật THPTK, CLP và các văn bản quy định có liên quan được Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị doanh nghiệp thực hiện cơ bản đầy đủ, nghiêm túc. Các quy định của pháp luật về THPTK, CLP được triển khai gắn với việc triển khai thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao dự toán NSNN hàng năm; lập, thẩm định kế hoạch tài chính trung hạn 2021-2025; đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và 2021- 2025 đã tuân thủ đúng quy trình và các quy định, bám sát nhu cầu phát triển của địa phương, bám sát mục tiêu đề ra, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Việc THPTK, CLP được triển khai toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Quản lý sử dụng NSNN, tài sản nhà nước, tài nguyên, lao động và thời gian lao động. Việc sử dụng ngân sách được quản lý chặt chẽ, đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu được triển khai thực hiện bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn. Công tác quản lý tài sản được kiểm tra, rà soát thường xuyên, việc điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị kịp thời, đảm bảo sử dụng đúng tiêu chuẩn định mức, bảo đảm tài sản được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Việc đầu tư, xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác được thẩm định kỹ lưỡng, bảo đảm thực sự cần thiết, đúng tiêu chuẩn, định mức, chất lượng, giá cả phù hợp, bảo đảm tiết kiệm tối đa trong mua sắm.

Bộ máy tổ chức được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, góp phần giảm chi phí cho hoạt động. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp nhà nước chặt chẽ, tinh giản được nhiều biên chế; công tác tuyển dụng công chức, viên chức

được thực hiện nghiêm túc; các cơ quan đơn vị bố trí lao động theo đúng vị trí, việc làm góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc. Các doanh nghiệp nhà nước cơ bản quản lý tốt tài sản và vốn được giao, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, không có tình trạng thất thoát vốn. Quản lý sử dụng tài nguyên có nhiều chuyển biến tích cực; đất đai được quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch, nhiều diện tích đất hoang hóa được khai thác đưa vào sử dụng, hiệu quả sử dụng đất nâng lên; tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Các cơ quan, đơn vị đã ban hành chương trình THPTK, CLP làm cơ sở thực hiện THPTK, CLP ở cơ quan, đơn vị; đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng làm cơ sở, định mức đối với các khoản kinh phí chi thường xuyên sử dụng ngân sách nhà nước; các DNNN đã xây dựng quy chế quản lý tài chính nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

Thực hiện tốt cải tiến lề lối, công nghiệp hóa việc sản xuất làm việc tại các DNNN và thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước tại các đơn vị, cơ quan nhà nước.

### **3. Công tác thanh, kiểm tra**

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được quan tâm, đã chủ động triển khai và tăng cường tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng và lãng phí. Qua đó đã phát hiện, xử lý nghiêm những tiêu cực, lãng phí, chỉ đạo xem xét xử lý kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân có vi phạm; điều tra, truy tố, xét xử một số vụ án tham nhũng, lãng phí.

## **II. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **1. Việc ban hành chính sách, pháp luật, chương trình về THPTK, CLP:**

Hệ thống VBQPPL tương đối đồng bộ, kịp thời, thống nhất; tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của hệ thống VBQPPL là các biện pháp kỹ thuật THPTK, CLP về cơ bản vẫn chưa khả thi và phát huy hiệu quả; một số văn bản ban hành chưa đảm bảo tính kịp thời. Việc ban hành những biện pháp kỹ thuật để đong đếm, lượng hoá mức độ THPTK, CLP vẫn còn chưa rõ ràng, thiếu cụ thể nên việc quy trách nhiệm cá nhân, tập thể để xảy ra lãng phí vẫn rất khó khăn; một số văn bản (như các quy định về sử dụng nguồn vốn ODA, Luật Quy hoạch) lại vô tình tạo thành rào cản trong quá trình triển khai dự án, làm chậm tiến độ triển khai, gây lãng phí.

Dù việc xây dựng chương trình, kế hoạch về THPTK, CLP thời gian qua đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm nhưng một số cơ quan, đơn vị ban hành chương trình, kế hoạch THPTK, CLP còn chậm so với thời gian quy định; một số cơ quan, đơn vị thực hiện còn chung chung, không xây dựng chỉ tiêu cụ thể; chương trình hành động chưa thiết thực, nội dung yêu cầu chưa cụ thể, chưa đề ra được các chỉ tiêu cụ thể để thực hiện, chưa xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đưa ra chương trình hành động thiết thực; công tác tổng hợp báo

cáo có cơ quan, đơn vị còn hình thức, nội dung chưa đầy đủ, chất lượng báo cáo còn thấp, chưa làm rõ nguyên nhân, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời.

## 2. Về quản lý, sử dụng NSNN

- Thu nội địa cơ bản hoàn thành dự toán được HĐND tỉnh giao nhưng về cơ cấu không đảm bảo. Ngân sách tỉnh hụt thu thuế, phí ảnh hưởng đến cân đối ngân sách, giảm vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh trong hệ thống ngân sách. Cơ cấu thu ngân sách cấp huyện thiếu tính bền vững, chủ yếu từ nguồn sử dụng đất.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm tại một số đơn vị chủ đầu tư còn thiếu tính chủ động, công tác chuẩn bị đầu tư chậm dẫn đến tiến độ đầu tư chậm, kết quả chất lượng giải ngân vốn chưa đạt yêu cầu.

- Trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm còn phải điều chỉnh kế hoạch nhiều lần; số lượng dự án điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư/quyết định dự án còn nhiều, làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, giải ngân của công trình.

- Trong quản lý xây dựng cơ bản, về tiến độ thực hiện công trình của một số địa phương còn chậm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, vẫn còn tình trạng thiếu chặt chẽ, khâu kiểm tra giám sát hiệu quả đầu tư của các công trình dự án sau khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng còn yếu; công tác lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành còn chậm so với quy định.

- Trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2021 có lúc, có nơi, có mặt vẫn còn hạn chế, lãng phí, thất thoát ở một số giai đoạn đầu tư dẫn đến hiệu quả đầu tư một số dự án chưa cao<sup>25</sup>.

## 3. Về quản lý, sử dụng tài sản công:

- Việc mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn theo hình thức tập trung theo quy định của Trung ương phát sinh nhiều bất cập trong thực tiễn, không đảm bảo tính chủ động và đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ nhiệm vụ của các địa phương, cơ quan, đơn vị<sup>26</sup>

- Việc cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công còn nhiều bất cập; nhiều địa phương, đơn vị chưa lập được Đề án để triển khai theo Luật định, vướng mắc chủ yếu do nhiều Bộ ngành Trung ương chưa quy định cụ thể về định mức kinh tế kỹ thuật tài sản, dịch vụ công thuộc lĩnh vực ngành nên chưa có hướng dẫn định giá, tính khấu hao tài sản công.

- Việc rà soát, sắp xếp lại tài sản công: một số dự án đầu tư hiệu quả chưa cao (như các dự án nước công trình cấp thoát nước, công trình điện mặt trời tại các

<sup>25</sup> Điển hình là dự án Môi trường bền vững...

<sup>26</sup> ví dụ: Máy tính, máy in, máy fax, photo của các đơn vị có nhu cầu cấu hình khác nhau, ví dụ ngành xây dựng đòi hỏi máy có cấu hình cao trong khi do hạn mức quy định chung nên cấu hình không đáp ứng được; nhiều định mức ban hành nhưng do trượt giá đã không còn phù hợp, mua sản phẩm đáp ứng nhu cầu gây lãng phí.

xã vùng xa, công trình đô thị của Đồng Hới... sử dụng vốn vay ODA đối ứng vốn ngân sách trong giai đoạn 2010 - 2016 tại một số địa phương)<sup>27</sup>

- Việc bàn giao tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc còn nhiều bất cập; một số trường hợp bàn giao tài sản không đầy đủ hồ sơ, vướng mắc trong định giá và theo dõi tài sản.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công của một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự tiết kiệm, hiệu quả. Một số tài sản công sau khi thực hiện sắp xếp trường lớp học, sắp xếp đơn vị hành chính, tài sản sau khi dự án kết thúc chưa được giải quyết, xử lý triệt để. Việc quản lý đất đai của một số công ty lâm nghiệp, lâm trường còn hạn chế dẫn đến một số diện tích đất đã giao khoán chưa được thu hồi.

#### **4. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên:**

- Quản lý sử dụng tài nguyên về đất đai, khoáng sản và tài nguyên rừng ở một số địa phương vẫn còn tình trạng vi phạm về sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên khoáng sản; bảo vệ rừng, khai thác rừng dẫn đến thất thoát, lãng phí tài nguyên vẫn còn xảy ra:

+ Việc khai thác sử dụng đất thải mỏ còn vướng mắc bất cập nên nhiều năm đất thải mỏ không được sử dụng, có nguy cơ gây mất an toàn cho các hộ dân sinh sống quanh khu vực bãi thải, ảnh hưởng xấu đến mỹ quan, môi trường.

+ Hiện nay, rất nhiều dự án xây dựng, nhu cầu đất san lấp phục vụ cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh rất lớn, tuy nhiên các khu vực đã quy hoạch để cấp phép chưa đáp ứng đủ. Các quy định pháp luật về khoáng sản còn những nội dung chưa phù hợp thực tế, dẫn đến phát sinh các vướng mắc chưa giải quyết được; thu hồi đất làm san lấp trong quá cải tạo đất ở... gây thất thu ngân sách.

- Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

+ Bộ Tài chính chưa có văn bản thay thế một số Thông tư đã hết hiệu lực như: Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 05/5/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC về việc quản lý sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

+ Đơn giá nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đã nhiều năm chưa có sự điều chỉnh nên không phù hợp với thực tiễn.

+ Phần lớn các công trình thủy lợi trên địa bàn đã trải qua thời gian sử dụng lâu dài, lại thiếu kinh phí duy tu, bảo dưỡng nên thất thoát nước tưới tiêu đặc biệt trong mùa khô hạn.

#### **5. Sắp xếp, tinh giảm biên chế, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập**

<sup>27</sup> (1) Dự án cấp điện năng lượng mặt trời các xã vùng xa chưa có điện lưới được lắp đặt tại 9 xã của 4 huyện gồm Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Minh Hóa, với gần 1.300 hộ dân, 78 cơ quan, dịch vụ công. Dự án triển khai từ tháng 7/2015, tổng vốn 13,7 triệu USD, trong đó 12 triệu USD là vốn vay của chính phủ Hàn Quốc, 1,7 triệu USD là phần đối ứng của Việt Nam...

Việc sắp xếp, tinh giảm biên chế, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm, chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chung của tỉnh, năng suất lao động chưa tương xứng với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

Việc giao biên chế theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP so với Nghị định 92/2009/NĐ-CP giảm biên chế ở mỗi xã và việc đưa Công an chính quy về xã làm việc, việc giao biên chế viên chức sự nghiệp Giáo dục và đào tạo gây phát sinh nhiều bất cập, không đáp ứng được yêu cầu thực tế của cơ sở.

#### **6. Về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNN:**

- Việc xử lý (theo các hình thức giao, điều chuyển, bán, chuyển nhượng,...) tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (như công trình cấp nước, các công trình môi trường, đô thị) trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều vướng mắc về trình tự, thủ tục thực hiện, thi công chậm.

- Hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp còn thấp, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh rừng chưa cao, do vậy đời sống của cán bộ công nhân viên nhìn chung còn khó khăn.

#### **7. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát:**

- Công tác tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ các cơ quan, đơn vị, địa phương nhìn chung còn yếu; chưa phát huy hết vai trò giám sát của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong việc thực hiện pháp luật về PCTN, THPT, CLP; một số biện pháp THPT, CLP hiệu quả còn thấp.

- Công tác thanh tra, kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm còn lỏng lẻo, chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, chuyên sâu nên chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

- Công tác giám sát của HĐND cấp huyện chưa sâu, mới chỉ lỏng lẻo giám sát THPT, CLP trong việc thẩm tra các báo cáo, nghị quyết trình HĐND, chưa có giám sát chuyên đề riêng. Công tác giám sát của HĐND cấp xã còn hạn chế, hầu như chưa thực hiện. Việc tự kiểm tra nội bộ về THPT, CLP của các cơ quan, đơn vị còn hạn chế, hầu hết các vụ việc phát hiện các vi phạm liên quan đến THPT, CLP đều do quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

- Tỷ lệ thu hồi kinh tế sau thanh tra chưa triệt để; việc chấp hành một số kết luận thanh tra, quyết định xử lý của một số đối tượng tổ chức, cá nhân có liên quan chưa thực sự nghiêm túc. Chưa có chế tài mạnh đối với hành vi không chấp hành của đối tượng thanh tra trong thực hiện yêu cầu, kết luận, kiến nghị của thanh tra. Chưa thực hiện thanh tra theo chuyên đề THPT, CLP còn lỏng lẻo ghép vào hoạt động thanh tra chung tại các đơn vị, ban ngành có chức năng thanh, kiểm tra.

### **III. NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Nguyên nhân của các kết quả đạt được, các ưu điểm.**

- Hệ thống VBQPPL nói chung, Luật THTK, CLP nói riêng và các VBQPPL của Trung ương và của tỉnh có liên quan ngày càng được hoàn thiện, sát với thực tế cuộc sống.

- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh đã quán triệt nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP; quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy tốt vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác THTK, CLP.

- Chế độ, chính sách mới được cập nhật kịp thời trên các trang thông tin của tỉnh. Hướng dẫn thực hiện đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định liên quan đến các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công.

- UBND tỉnh đã triển khai thực hiện, quản lý chặt chẽ thu chi ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật. Cơ cấu lại ngân sách, siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, không ban hành chính sách, chương trình, dự án làm tăng chi ngân sách địa phương khi chưa cân đối được nguồn. Công khai, minh bạch và thực hiện triệt để tiết kiệm ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp những khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện.

- Các cơ quan chức năng đã thường xuyên thực hiện kiểm tra, thanh tra trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, tài sản tại các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương, kịp thời chấn chỉnh những sai sót, vi phạm trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, tài sản, góp phần nâng cao ý thức THTK, CLP trong toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

## **2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khuyết điểm.**

### **2.1. Nguyên nhân chủ quan:**

- Công tác xây dựng Chương trình, Kế hoạch về THTK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị đôi lúc còn mang tính hình thức, chưa được quan tâm đúng mức, sát với thực tế nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương mình nên chưa có đủ chế tài, cơ sở xử lý các biểu hiện lãng phí.

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được phát huy đầy đủ. Còn chậm trễ, chưa sát sao trong công tác hoàn thiện thủ tục đề xuất chủ trương đầu tư/đề xuất dự án, trong quá trình triển khai vẫn còn điều chỉnh, bổ sung nhiều lần... làm chậm tiến độ. Một số địa phương, đơn vị chưa quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác THTK, CLP; có cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác giám sát việc thực hiện THTK, CLP tại đơn vị mình.

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 39-NQ-TW ngày 17/4/2015 của Ban chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn chậm, chưa đồng bộ nên trong quá trình thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, bất cập. Việc xác định vị trí việc làm là cơ sở để tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức chưa có quy định, hướng dẫn đồng bộ, phù hợp dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện. Chính sách cán bộ chậm đổi mới, chưa khuyến khích cán bộ phát huy hết năng lực, tâm huyết với công việc, nhất là chưa có cơ chế, chính sách để nhìn nhận, đánh giá và khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đối với các dự án, năng lực quản lý, điều hành và thi công của các Ban Quản lý dự án còn chưa hiệu quả, phát sinh nhiều tiêu cực trong quá trình vận hành; sự phối hợp, hỗ trợ, giúp đỡ chưa thực sự tốt và hiệu quả giữa phía chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành các dự án, người dân sở tại và nhà thầu trong việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thi công công trình...

- Công tác xây dựng dự toán thu ngân sách có lúc chưa sát với thực tế dẫn đến giảm vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh trong điều hành ngân sách. Số thu từ các ngành dịch vụ còn chưa tương xứng với dư địa hiện có, do đó nguồn lực dành cho chi đầu tư phát triển vẫn phụ thuộc vào thu tiền sử dụng đất.

- Hoạt động của một số đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công còn có mặt hạn chế, chưa thật chủ động trong việc tăng cường nguồn thu, khả năng tự chủ về tài chính còn khó khăn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm còn lồng ghép vào công tác thanh tra, quyết toán vì vậy việc phát hiện, xử lý vi phạm trong lĩnh vực này còn thấp, các kiến nghị, xử lý chưa có tính răn đe, giáo dục.

## ***2.2. Nguyên nhân khách quan:***

- Công tác THPTK, CLP là công việc phức tạp, đòi hỏi phải tập trung rất cao sự chỉ đạo, điều hành cũng như nỗ lực thực hiện của cả hệ thống chính trị; gắn với hiệu quả xây dựng thể chế, cải cách bộ máy nhà nước và nền hành chính, cải cách tư pháp; liên quan đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác phát hiện các vụ việc, vụ án trong lĩnh vực THPTK, CLP là công việc khó khăn, phức tạp, cần thận trọng, khách quan, kết luận đúng người, đúng tội để xử lý nghiêm minh, trong khi đó các thủ đoạn, hành vi tham nhũng, lãng phí ngày càng phức tạp và tinh vi hơn, đặc biệt các vụ việc có tổ chức, liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức. Đây là nguyên nhân dẫn đến quá trình phát hiện, xử lý và kết luận của cơ quan chức năng mất nhiều thời gian hoặc kéo dài.

- Giai đoạn 2016 - 2021 là thời gian tỉnh Quảng Bình gặp nhiều thách thức, biến động, những tác động lớn từ sự cố môi trường biển năm 2016, trận bão năm 2017, đợt lũ lịch sử năm 2020 và đợt dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ năm 2020 đến nay đã gây thiệt hại lớn về người và của, ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và việc THPT, CLP.

- Cơ chế, chính sách trên nhiều lĩnh vực còn bất cập, thiếu đồng bộ, nhất là các lĩnh vực như đất đai, đầu tư xây dựng... Hệ thống chính sách, tiêu chuẩn, định mức, chưa đồng bộ, còn chồng chéo trong một số lĩnh vực; một số chính sách mới ban hành chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến khó thực hiện; một số chế tài chưa quy định cụ thể làm cơ sở xử lý vi phạm trong chấp hành THPT, CLP.

- Đến nay, các Bộ chuyên ngành (*Các Bộ: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...*) chưa ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và đề nghị của Bộ Tài chính<sup>(28)</sup>. Do đó, chưa có cơ sở để các cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện xử lý khi phát sinh nghiệp vụ giao, điều chuyển, bán, chuyển nhượng tài sản hạ tầng.

- Việc báo cáo, kê khai thông tin tài sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trên phần mềm quản lý đến nay đang chờ Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thực hiện phân cấp cho các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản thực hiện kê khai trực tiếp trên phần mềm.

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, một số dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao hoặc hoàn thành thừa vốn nên cần phải điều chuyển kế hoạch vốn sang các công trình, dự án khác có nhu cầu vốn và khả năng giải ngân tốt; do đó việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công đều làm mất thời gian, gây chậm trễ, ách tắc, lãng phí trong quá trình giải ngân vốn.

- Môi trường đầu tư của khu vực miền Trung nói chung, của Quảng Bình nói riêng không thuận lợi, một số cơ chế chính sách Nhà nước chậm thay đổi, không đồng bộ nên khó thu hút vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Về môi trường đầu tư của khu vực miền Trung nói chung, của Quảng Bình nói riêng không thuận lợi: cơ sở hạ tầng của tỉnh còn hạn chế, chưa đồng bộ. Thời tiết khí hậu khắc nghiệt, nắng nóng, gió bão nên khó thu hút đầu tư, nhất là lĩnh vực lâm nghiệp. Cụ thể: Một số cơ chế chính sách của nhà nước chậm thay đổi, không đồng bộ: Ví dụ như Luật Lâm nghiệp, Nghị định hướng dẫn Luật quy định Nhà nước đảm bảo kinh phí quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên. Mức hỗ trợ theo Quyết định 38/QĐ-TTg là bình quân 300.000 đ/ha/năm; tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên tỉnh áp dụng đối với

<sup>(28)</sup> Ngày 18 tháng 9 năm 2020, Bộ Tài chính có Công văn số 11437/BTC-QLCS đề nghị một số Bộ (*trong đó có Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch*) khẩn trương báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế về chế độ quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

rừng tự nhiên sản xuất là 200.000 đ/ha/năm, rừng phòng hộ 150.000 đ/ha/năm.

- Nhiều hộ dân không có ý thức chấp hành pháp luật, thiếu hợp tác khi thi công các công trình, dự án, không chấp nhận giải toả, nhằm đòi mức đền bù cao hơn, gây ảnh hưởng đến tiến độ nhiều dự án, công trình; chưa có ý thức trong việc chấp hành pháp luật liên quan đến khai thác, đánh bắt thủy hải sản, khai thác rừng và các sản phẩm từ rừng nhằm phát triển bền vững dẫn đến việc quản lý khó khăn, gây lãng phí nguồn tài nguyên.

#### **IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

##### **1. Nhóm bài học về quán triệt, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước**

- Cần thường xuyên tăng cường sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị địa phương trong công tác THPT, CLP gắn với Quy định số 01-QĐ/TU ngày 03/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THPT, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPT, CLP với các hình thức đa dạng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPT, CLP đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân và toàn xã hội.

##### **2. Nhóm bài học về ban hành chính sách, pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật**

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tiếp tục nghiên cứu để kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về THPT, CLP vào tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hàng năm nhằm thực hiện đồng bộ chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong thực hiện chi NSNN.

- Thường xuyên nghiên cứu, rút kinh nghiệm từ thực tế để kịp thời xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức, tiêu chuẩn, chế độ để tăng tính minh bạch, khoa học, hợp lý trong việc ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ; trách nhiệm của cơ quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành; trách nhiệm thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ và trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

- Các cấp, các ngành cần xây dựng cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu THPT, CLP trong những năm tiếp theo để triển khai thực hiện; gắn với công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên; phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; đưa kết quả THPT, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường vai trò trách nhiệm

của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THPT, CLP tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

### **3. Nhóm bài học về lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức, điều hành thực hiện chính sách, pháp luật**

- Đối với việc thi công các công trình, dự án: Thường xuyên rà soát và có biện pháp nâng cao năng lực thi công, đảm bảo chất lượng công trình của các nhà thầu. Triển khai thực hiện tốt quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng, tập trung các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình mục tiêu, sớm đưa công trình vào sử dụng, nâng cao hiệu quả đầu tư, tăng thu ngân sách, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với THPT, CLP.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng và thực hiện Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công của những đối tượng khó khăn đặc thù. Thúc đẩy việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, chuyển đổi từng bước việc điều hành dựa trên giấy tờ sang điều hành bằng dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP. Hoàn thiện các hệ thống thông tin một cửa điện tử, công dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hoàn thành kết nối, liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và các doanh nghiệp. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của Chính phủ số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

- Xây dựng được cơ chế giao khoán phù hợp để tạo được động lực thúc đẩy người lao động hăng say làm việc, có chất lượng hiệu quả và có kỷ luật cao, loại trừ các biểu hiện dựa dẫm bao cấp thiếu năng động và ỷ lại tập thể, tư tưởng trung bình chủ nghĩa. Thường xuyên phát động các phong trào thi đua trong lao động sản xuất, có sơ kết, tổng kết và khen thưởng kịp thời để động viên người lao động phấn khởi và quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nguồn vốn ODA là nguồn vốn được vay ưu đãi nước ngoài và một phần cấp phát từ ngân sách nhà nước, đây là nguồn vốn quý để phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh nhà trong giai đoạn nguồn vốn của tỉnh còn nhiều hạn chế. Do vậy hệ thống các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh cần quan tâm vận hành một cách đồng bộ, hiệu quả để tận dụng nguồn lực này cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế hiện nay, các dự án vốn vay ODA vừa phải tuân thủ quy định của nhà tài trợ vừa tuân thủ các quy định của chính sách, pháp luật trong nước nên quá trình triển khai phải qua nhiều lần đàm phán, thương thảo, nhiều nội dung có thể mâu thuẫn, trong khi vốn ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán của các ban quản lý dự án, nhất là cấp huyện chưa đạt yêu cầu đề ra. Chính vì thế, để dự án phát huy được hiệu quả mong muốn, cần nghiên cứu để có cơ chế linh hoạt hơn.

### **4. Nhóm bài học về kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm**

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát THPT, CLP theo quy định của pháp luật; trong đó chú trọng đến các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách, vốn, tài sản nhà nước; đầu tư công; đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản. Đặc biệt chú trọng thanh tra việc thực hiện chương trình hành động THPT, CLP, việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí. Xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với những hành vi vi phạm pháp luật về THPT, CLP. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhằm tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác THPT, CLP.

- Phát huy vai trò của UBMTTQVN các cấp, các tổ chức đoàn thể chính trị trong tuyên truyền thực hiện Luật THPT, CLP và giám sát việc thực hiện Luật.

### **5. Nhóm bài học phát huy vai trò người đứng đầu, sức mạnh tổng hợp**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THPT, CLP; công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện đối với THPT, CLP; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát và xử lý vi phạm trong THPT,CLP; tiếp tục tổ chức và thực hiện Chương trình THPT, CLP năm 2022 theo văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả THPT, CLP; kịp thời sửa đổi bổ sung các Quy chế chỉ tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công, quản lý sử dụng xe ô tô, Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THPT, CLP tại đơn vị, phát huy tính gương mẫu của người đảng viên. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm của viên chức, lao động trong THPT, CLP; phát huy vai trò của Cấp ủy, Chi bộ, Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân, Đoàn Thanh niên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, vận động, giáo dục đoàn viên trong cơ quan, đơn vị nêu cao tinh thần THPT, CLP. Quy định kết quả THPT, CLP là tiêu chí đánh giá công tác thi đua khen thưởng và bổ nhiệm.

- Nâng cao trách nhiệm của viên chức, lao động trong từng đơn vị, nhận thức rõ về vị trí, tầm quan trọng công tác THPT, CLP. Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt, giáo dục pháp luật về THPT, CLP phải được thực hiện thường xuyên liên tục, gắn với các cuộc họp chi bộ, họp giao ban, cuộc sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên. Đảm bảo trong năm không có các hiện tượng tiêu cực, những thiếu, lãng phí xảy ra trong đơn vị, góp phần thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của người đứng đầu đơn vị; giải quyết tốt các mối quan hệ giữa chi bộ, chính quyền và đoàn thể; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất; tăng cường công tác tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong cán bộ, đảng viên và người lao động.

- Xây dựng chế độ khen thưởng xứng đáng các điển hình hiệu quả trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm trong THPTK, CLP đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị.

## **PHẦN II**

### **CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THPTK, CLP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **A. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

##### **I. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

###### **1. Nhóm giải pháp về sử dụng ngân sách và đầu tư công**

- Tổ chức điều hành dự toán NSNN chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; cải cách công tác kiểm soát chi NSNN theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi NSNN gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị liên quan.

- Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện triệt để THPTK, CLP ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, lập, thẩm định, phê duyệt dự án, dự toán. Không đề xuất mới chương trình, dự án, đề án có nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi, không thực sự cần thiết và chưa bố trí được nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện.

- Đối với các nội dung chi thường xuyên, cần tập trung thực hiện phân khai các nguồn vốn theo dự toán giao để thực hiện các nhiệm vụ trong năm, đảm bảo tiến độ theo cơ chế và biện pháp điều hành ngân sách hàng năm. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý các nguồn vốn đã bố trí cho các nhiệm vụ chi không có khả năng thực hiện để bổ sung cho các nhiệm vụ khác, nhằm tiết kiệm nguồn lực từ ngân sách.

- Tăng cường vai trò các cơ quan quản lý nhà nước ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và thực hiện của dự án. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư của các dự án, nhất là các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia có tác động lan tỏa góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu; công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công. Phân bổ vốn đầu tư công phải đảm bảo thời gian theo quy định; rà soát, tháo gỡ kịp thời các rào cản khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công.

- Quyết liệt đẩy mạnh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công gắn với sử dụng vốn đầu tư công có hiệu quả, góp phần thúc đẩy xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nâng cao sức cạnh tranh, hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội khác. Kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc đảm bảo tiến độ giải ngân vốn.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh phân cấp và giao quyền chủ động cho các đơn vị sự nghiệp. Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước và phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Hoàn thành việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các lĩnh vực làm cơ sở thực hiện đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

## **2. Nhóm giải pháp về quản lý, sử dụng tài sản công, vốn nhà nước ở doanh nghiệp**

- Hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công; xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công để thực hiện các giao dịch về tài sản đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công. Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng theo thẩm quyền.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công (nhà, đất, xe ô tô, máy móc, thiết bị) để quản lý, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật; xử lý dứt điểm tình trạng sử dụng tài sản công chưa đúng quy định (cho thuê, cho mượn, bố trí nhà ở, đất ở, sử dụng sai mục đích...).

- Quản lý chặt chẽ, tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Có chế tài xử lý đối với lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước không nghiêm túc thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước và nhiệm vụ được giao trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

## **3. Nhóm giải pháp về tổ chức, sắp xếp bộ máy và cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất

lượng đội ngũ công chức, viên chức bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung rà soát, sửa đổi các cơ chế, quy định, quy trình bất hợp lý, chồng chéo, mâu thuẫn; đẩy mạnh cải cách thủ tục, tiếp tục cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cấp phép. Hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước thông qua việc triển khai hiệu quả đề án chính quyền điện tử; hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet.

#### **4. Nhóm giải pháp trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên**

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện điều tiết một cách hợp lý giá trị tăng thêm từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng đem lại. Khai thác quỹ đất đai bên đường khi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ một cách hiệu quả, tiết kiệm;

#### **5. Về quản lý hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước**

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất của doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Có chế tài xử lý đối với lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước không nghiêm túc thực hiện hoặc không có kết quả đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước và nhiệm vụ được giao trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

- Ban hành quy định hướng dẫn việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

#### **6. Nhóm giải pháp về thanh tra, kiểm tra**

Đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng thực hiện công khai việc sử dụng NSNN (*dự toán, quyết toán hàng năm*) và các nguồn tài chính được giao; công khai thông tin về nợ công và các nội dung đầu tư công theo quy định pháp luật. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPT. CLP, tập trung một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, lãng phí như: quản lý, sử dụng đất đai; các dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng tài sản công, trụ sở làm việc, nhà công vụ; mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh do NSNN cấp kinh phí; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng và khai thác tài nguyên, khoáng sản. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí.

### **B. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **I. ĐỐI VỚI QUỐC HỘI VÀ ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

1. Đề nghị Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Cụ thể:

- Quy định về thời kỳ ổn định ngân sách: Luật Ngân sách nhà nước quy định trong thời kỳ ổn định ngân sách sẽ thực hiện ổn định tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSDP, ổn định số bổ sung cân đối trong thời gian 5 năm). Quy định này chưa phù hợp, không đảm bảo khả năng cân đối triển khai các

nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (sau thời kỳ ổn định ngân sách phải tăng số điều tiết về ngân sách cấp trên); vì vậy, đề nghị Quốc hội nghiên cứu để sửa đổi quy định cho phù hợp.

- Luật Ngân sách nhà nước chưa có quy định về cơ chế quản lý tài chính ngân sách để khuyến khích chính quyền các địa phương huy động nguồn lực và dành nguồn lực để đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng; việc phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách đối với các đơn vị sự nghiệp công còn hạn chế; đề nghị Quốc hội nghiên cứu để bổ sung quy định đối với các nội dung trên.

2. Đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội nghiên cứu ban hành Nghị quyết về quy chế phối hợp hoạt động giữa Kiểm toán nhà nước và Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND các tỉnh/ thành phố; trong đó quy định cụ thể về phối hợp tham gia trong xây dựng kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán và tham gia hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND các tỉnh/ thành phố.

## II. ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ

1. Đề nghị Chính phủ xem xét không áp dụng chung chỉ tiêu giảm 10% biên chế sự nghiệp ở tất cả các lĩnh vực, địa phương mà cần xem xét cụ thể điều kiện của từng lĩnh vực, từng địa phương để vừa đảm bảo nhân lực giảm ở những bộ phận dôi dư, đồng thời vừa đảm bảo đủ đáp ứng cho các khu vực cần thiết (ví dụ như đối với ngành giáo dục, y tế)<sup>29</sup>.

2. Đề nghị sớm thực hiện việc tổng kết mô hình thí điểm hợp nhất các cơ quan theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 7/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả để có mô hình tổ chức thống nhất trong toàn quốc, đồng thời ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này để thuận lợi trong thực hiện.

3. Thực tế hiện nay phổ biến tình trạng các doanh nghiệp chây ì nộp thuế do tiền phạt nộp thuế chậm vẫn chưa đủ sức răn đe. Nguồn lực công từ tiền thu thuế bị lãng phí do không được kịp thời xoay vòng, đầu tư; mất dần giá trị do trượt giá, lạm phát... Chính vì thế, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng có thẩm quyền nghiên cứu có chế tài hiệu quả để cưỡng chế, thi hành việc nộp thuế, truy thu thuế.

4. Chính sách cấp bù thủy lợi phí là chính sách hỗ trợ các tổ chức hợp tác dùng nước bằng cách trả thay người dân khoản phí dịch vụ thủy lợi đã tạo được sự chủ động cho đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên hiện nay mức thu thủy lợi phí theo quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ rất thấp, không đủ

<sup>29</sup> Thực tế cho thấy đối với các địa bàn nông thôn, việc xã hội hoá giáo dục, y tế gặp nhiều khó khăn, nếu thực hiện lộ trình tinh giản thì không đủ biên chế để đáp ứng yêu cầu giáo dục và y tế của người dân đặc biệt là cấp học mầm non và y tế thôn bản.

bù đắp các chi phí quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi. Vì vậy, để đảm bảo hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đề nghị Chính phủ điều chỉnh tăng mức thu thủy lợi phí.

5. Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2020 và Quyết định 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 đã hết giai đoạn, hiện nay chưa có chính sách thay thế, chuyển tiếp. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành chính sách thay thế, chuyển tiếp để hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện liên tục, đúng quy định của pháp luật.

6. Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ rừng, hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí tài nguyên rừng, đề nghị Chính phủ chỉ đạo chính quyền các địa phương thực hiện việc chi hỗ trợ bảo vệ rừng do Nhà nước đóng cửa rừng dừng khai thác đảm bảo đúng quy định của Chính phủ; địa phương nào có khó khăn đề nghị Chính phủ quan tâm hỗ trợ, nhằm giải quyết giảm bớt khó khăn cho người lao động trong lĩnh vực bảo vệ rừng<sup>30</sup>.

7. Do ngư trường khai thác ngày càng thu hẹp, nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt, những quy định về khai thác ngày càng khắt khe nên các chủ tàu có thu nhập thấp, khó khăn trong việc trả nợ ngân hàng. Đề nghị Chính phủ nghiên cứu có chính sách phù hợp để giải quyết nợ xấu cho các chủ tàu vay đóng mới, cải hoán tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 7/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

8. Hiện nay, việc thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp, sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn chi thường xuyên còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập do nhiều ngành còn thiếu hướng dẫn về định mức kỹ thuật và đơn giá. Vì vậy, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ ban hành quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

### **III. ĐỐI VỚI CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG**

#### **1. Đối với Bộ Tài chính**

- Trên cơ sở quy định của các bộ, ngành về định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, dịch vụ công, đề nghị Bộ phối hợp với các bộ, ngành sớm ban hành hướng dẫn định giá tài sản công, tính khấu hao tài sản công để làm căn cứ cho các ngành, địa phương triển khai lập Đề án cho thuê, kinh doanh, liên danh, liên kết sử dụng tài sản công.

---

<sup>30</sup> Các công ty LCN phản ánh: cũng là rừng tự nhiên phòng hộ nhưng hộ dân được hỗ trợ 300.000 đ/ha/năm, còn của các tổ chức chỉ được 150.000 đ/ha/năm.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành ban hành Thông tư quy định giá quy ước để xác định giá trị tài sản công đối với các tài sản được bàn giao lại từ nhiều năm trước chưa xác định được nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng như: các công trình đã bị thất lạc hồ sơ từ nhiều năm trước, không có khả năng tìm lại, các công trình được đầu tư xây dựng từ nguồn xã hội hóa (tài sản hình thành trên cơ sở lao động công ích của người hưởng lợi); công trình được thiết lập quyền sở hữu nhà nước....

- Việc thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành phát sinh nhiều bất cập trong triển khai thực tế, không đảm bảo tính chủ động và đáp ứng kịp thời yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, kiến nghị sửa đổi các VBQPPL liên quan theo hướng: khi đã giao dự toán cho các địa phương, đơn vị, cần tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, đơn vị chủ động mua sắm theo nhu cầu sử dụng của đơn vị để đáp ứng kịp thời, chủ động phục vụ nhu cầu của các cơ quan, đơn vị.

- Sớm nâng cấp, hoàn thiện phần mềm Cơ sở dữ liệu quản lý về tài sản đáp ứng yêu cầu quản lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; thống nhất đồng bộ số liệu giữa phần mềm kế toán và phần mềm quản lý tài sản công, liên thông giữa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phường và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

- Đề nghị Bộ sớm ban hành Thông tư thay thế các văn bản hiện đã hết hiệu lực như: Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 05/5/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC về việc quản lý sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

- Đề nghị Bộ ban hành văn bản hướng dẫn định mức chi ngân sách cho địa phương để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và kinh phí, phương tiện cho hoạt động kiểm tra, xử lý các vi phạm về khai thác, vận chuyển, mua bán khoáng sản trái phép; Chỉ đạo Cơ quan thuế có biện pháp quản lý chặt chẽ hoá đơn thuế đối với việc mua bán khoáng sản; ngăn chặn tình trạng mua bán hoá đơn, hợp thức hoá chứng từ đối với mua, bán khoáng sản.

## **2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường**

- Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư*” quy định Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh **thuộc trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**. Tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP quy định các trường hợp sau đây **phải đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất: (1) Chỉ được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản của dự án; (2) Sử dụng đất vào mục đích**

thương mại, dịch vụ; (3) Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại... Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai thì Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh **không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất**. Như vậy, những dự án này nếu đấu thầu xong Nhà nước sẽ không thu hồi được đất, do không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất. Không thu hồi được đất thì nhà nước cũng không đấu giá được.

Từ những bất cập trên, đề nghị Bộ nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn đối với các dự án sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh nhưng không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

- Đề nghị Bộ chỉ đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam quan tâm điều tra địa chất về khoáng sản đối với các điểm khoáng sản nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình bằng vốn ngân sách, qua đó trình Bộ khoáng định và công bố khu vực khoáng sản nhỏ lẻ để địa phương quản lý và cấp phép hoạt động nhằm phát triển nền kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đề nghị Bộ bổ sung quy định để xử lý đối với hành vi vận chuyển khoáng sản trái phép (khi đang vận chuyển không có giấy tờ hợp pháp) được xử lý như hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

- Đề nghị Bộ khi tham mưu sửa đổi Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật cần chú trọng nội dung quy định liên quan đến quản lý khoáng sản. Cụ thể, cần có các quy định theo hướng: Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để cho nhà đầu tư thuê đất sau khi được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; không đưa vào đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực mỏ chưa được giải phóng mặt bằng; đơn giản hoá thủ tục, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản theo hình thức chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch bảo vệ môi trường sau khai thác, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức kiểm tra và trình UBND tỉnh quyết định đóng cửa mỏ.

#### **IV. ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến THPT, CLP để ban hành hoặc tham mưu HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp thuộc thẩm quyền của tỉnh; đồng thời đề xuất Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành liên quan sửa đổi, ban hành văn bản thay thế các văn bản có quy định chưa phù hợp, thiếu đồng bộ, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật; đặc biệt quan tâm đến việc kiến nghị sửa đổi, ban hành mới hệ thống tiêu chuẩn, định mức THPT, CLP.

- Liên quan đến việc sắp xếp tài sản công, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan giúp việc rà soát và tham mưu biện pháp xử lý đối với một số trụ sở cơ quan, đơn vị đang bỏ hoang trên địa bàn; đối với trụ sở của các đơn vị cấp tỉnh trên địa

bàn các địa phương không còn nhu cầu sử dụng cần có giải pháp xử lý, thu hồi; Trong quá trình cấp vốn xây dựng, cải tạo các trụ sở, đề nghị ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm, bố trí vốn theo hướng xây mới, hạn chế việc cải tạo khi công trình đã quá xuống cấp, cũ kỹ sẽ gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ các dự án trên địa bàn thực hiện nhanh chóng các thủ tục phê duyệt, thực hiện dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ, tránh chống chèo mát thời gian điều chỉnh. Hướng dẫn các Dự án thực hiện các chế độ, chính sách phù hợp với nhà tài trợ và đúng quy định của pháp luật; hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện đơn vị thi công huy động nguồn lực thực hiện thành công nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết. Chỉ đạo quyết liệt các nhà đầu tư thực hiện các dự án sau khi có quyết định tiền thuê đất phải nộp vào ngân sách nhà nước đúng thời gian.

- Quan tâm đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp một số hồ, đập thủy lợi được xây dựng từ những năm 80 của thế kỷ trước nhằm đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ và nâng cao hiệu quả tưới tiêu, tiết kiệm nguồn tài nguyên nước. Bên cạnh đó, đề nghị xem xét bố trí kinh phí cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để giảm thiểu tình trạng lấn chiếm, vi phạm hành lang và vùng phụ cận công trình thủy lợi; rà soát việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong lòng hồ và có biện pháp xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định, bàn giao lại diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ công trình cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý.

- Việc phân bổ ngân sách chi thường xuyên theo hướng tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp hiện nay cần có những tiêu chí, định mức rõ ràng, tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo cho các bậc học; trong quá trình thực hiện phân bổ ngân sách phải tính đến các yếu tố trượt giá trong từng năm của thời kỳ ổn định ngân sách, sự biến động của tình hình kinh tế-xã hội, tính chất và nội dung lĩnh vực hoạt động. Vì thế, đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tham mưu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, ban hành đơn giá học phí đào tạo bậc học hệ trung cấp, cao đẳng theo phương thức nhà nước đặt hàng trên cơ sở đơn giá tính đủ chi phí, sát với thực tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các trường trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư, tạo điều kiện hết sức để các nhà đầu tư thực sự có nhu cầu và năng lực vào đầu tư tại tỉnh, trong đó quan tâm mời gọi đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp để phát huy hiệu quả sử dụng đất đai; đẩy mạnh việc phát triển lĩnh vực chế biến gỗ với các công ty có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sản xuất hàng xuất khẩu để đáp ứng được yêu cầu của người trồng rừng.

- Xem xét bố trí tăng mức phí đối với hoạt động dịch vụ công ích đối với công tác vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng công cộng, giá nước sạch để nâng cao chất lượng, mức độ đô thị hóa thành phố, đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ tài nguyên nước. Chỉ đạo tăng cường công tác xã hội hóa môi trường, xây dựng và

tổ chức thực hiện các đề án Giảm thiểu phát thải rác, Phân loại rác tại nguồn, Giảm thiểu rác thải nhựa; phát động mô hình Tuyến phố văn minh và đẩy mạnh Đề án xã hội hóa công tác quét đường, vỉa hè để góp phần tạo cho các tuyến phố xanh – sạch – đẹp trong điều kiện nguồn kinh phí từ ngân sách cho công tác vệ sinh môi trường còn hạn hẹp nhằm tiết kiệm nguồn lực công, tăng cường công tác xã hội hoá trong công tác vệ sinh môi trường.

- Sớm ban hành quy chế phối hợp trong công tác vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng, thoát nước và xử lý nước thải để có sự phối hợp giữa các phòng/ban/đơn vị chức năng, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị. Đặc biệt là trong quản lý phế thải xây dựng theo phương án quản lý điểm đầu (các hộ gia đình, tổ chức có công trường xây dựng) và điểm cuối (xác nhận đổ thải phế thải xây dựng của đơn vị quản lý khu đổ phế thải xây dựng được cấp phép đối với hộ gia đình hay tổ chức có công trường xây dựng nêu trên). Tăng cường chỉ đạo các đơn vị liên quan quy hoạch và tổ chức các điểm tập kết, trung chuyển rác thải trong các khu dân cư hiện có cũng như trong các khu đô thị mới, tránh tình trạng người dân đổ rác thải, vật liệu xây dựng cạnh các xe rác trung chuyển làm phát sinh các bãi rác trong đô thị.

- Tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn việc ban hành các quy định về thực hiện các tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu ngân sách; việc mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác; việc thực hiện chế độ tự chủ về tài chính; thông tin, phổ biến kịp thời các văn bản pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu tài chính khi có thay thế, sửa đổi, bổ sung; nâng cao trách nhiệm trong công tác duyệt quyết toán và thanh tra tài chính.

Chỉ đạo Thanh tra tỉnh tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, THTK CLP và công tác tiếp dân, khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện nghiêm các quy định trong công tác kiểm soát chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy sản phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung cấp dịch vụ, lắp đặt thiết bị trong việc thực hiện quy trình quản lý, giám sát hành trình, kịp thời cảnh báo, hướng dẫn ngư dân thực hiện báo cáo vị trí tàu cá đang hoạt động trên biển trong trường hợp có sự cố mất tín hiệu vệ tinh. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trực thuộc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Quyết định 03/2018/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2016 - 2021”, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình báo cáo Đoàn giám sát của Quốc hội để tổng hợp chung./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn giám sát của Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh QB;
- Các thành viên Đoàn GS của Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp chịu sự giám sát;
- Lưu. VT, CTQH.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
KT. TRƯỞNG ĐOÀN  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Nguyễn Minh Tâm**